

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ



SỐ 1/2002(36)

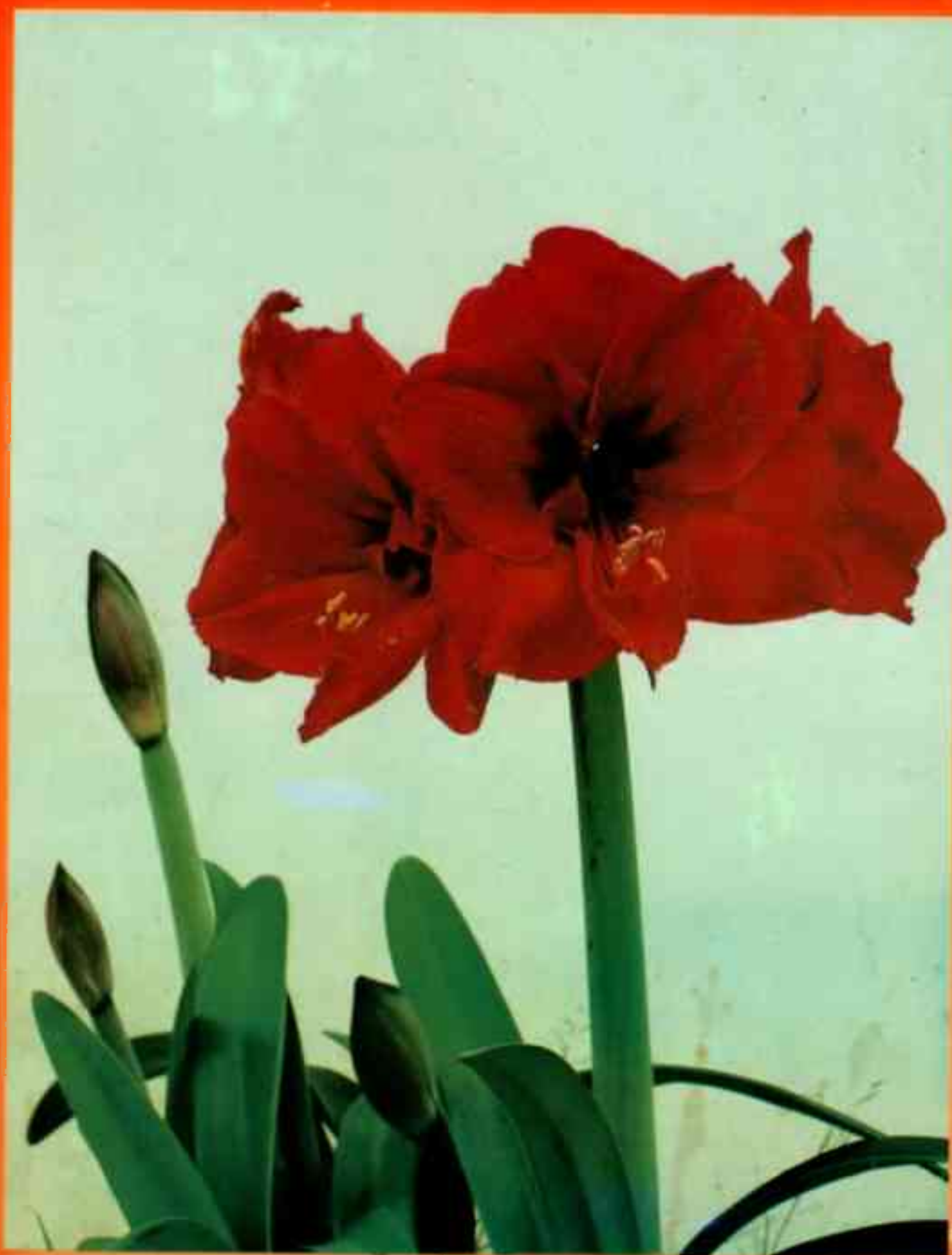
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
2 Hoàng Văn Thụ Đà Lạt

ĐT: (063) 820352

Chúc
Mừng
Năm
Mới



XUÂN
NHÂM NGỌ
2002





Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG

Số 1.2002

Trong số này

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS PHẠM BÁ PHONG

Trưởng ban

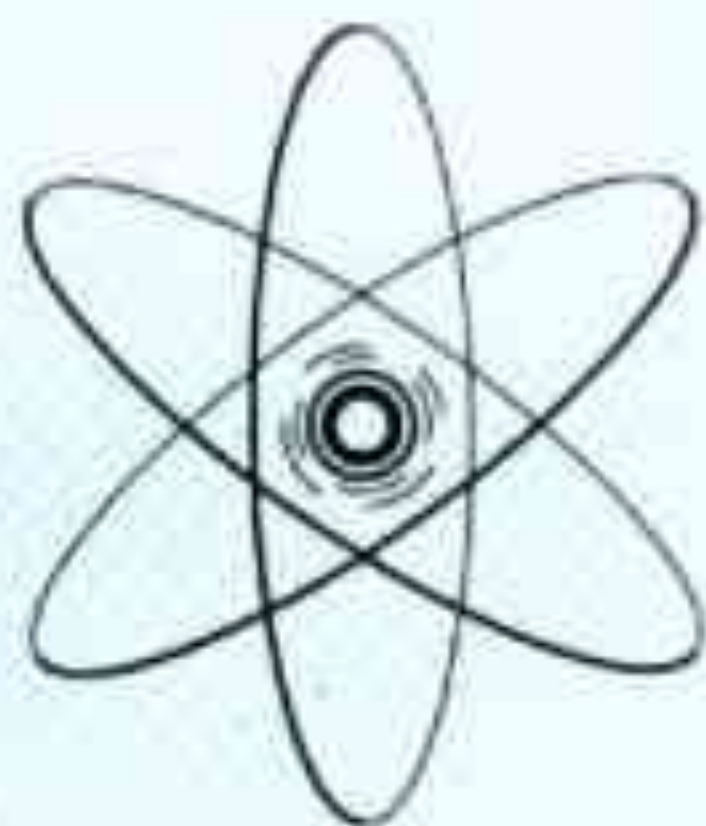
TRƯƠNG TRỞ

Phó ban

NGUYỄN HỮU TRANH

NGUYỄN THỤY HOÀNG

NGÔ HUY ĐÔNG



ẢNH BÌA TRƯỚC

Hoa Huệ đỏ

NHIẾP ẢNH

Hà Hữu Nết

* Chào xuân Nhâm Ngọ 2002	1
* Nghiên cứu du lịch Lâm Đồng Đà Lạt	2
* Những vị thuốc từ Ngựa mang tên Ngựa	4
* Một số nét về dự án "Cải thiện điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt	6
* Làm cách nào để Mai nở đúng Tết	9
* ABC Đà Lạt	10
* Một số kết quả bước đầu về lai tạo giống Lan địa phương Đà Lạt - Lâm Đồng	13
* Vườn thơ Hoa tư tưởng	16
* Vài nét về Đại hội đại biểu liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Lâm Đồng lần thứ II	18
* Vài nét văn hóa ẩm thực của người Mạ ở Lâm Đồng	19
* Kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch tre kinh doanh măng	21
* Phòng trị bệnh cho cá vào các thời điểm giao mùa tại Lâm Đồng	23
* Địa chí Lâm Đồng, món quà mừng Xuân Nhâm Ngọ	25
* Hoạt động TC-ĐL-CL năm 2001	27
* Hoạt động của Thanh tra Sở năm 2001	29
* Mục tiêu chương trình khoa học, công nghệ trọng điểm tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001-2005	30
* Tin hoạt động KH.CNMT	32

Giấy phép xuất bản số 2293/GPXB do Bộ văn hóa - thông tin cấp ngày 20.6.1995.

Sắp chữ tại Sở khoa học, công nghệ & môi trường tỉnh Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp in Lâm Đồng.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1.2002

Chào Xuân Nhâm Ngọ 2002

Mùa xuân thứ hai của Thiên niên kỷ mới đang đến!

Năm đầu tiên đã qua đi với bao biến động bất ngờ. Thế giới bàng hoàng, sửng sốt trước những vụ khủng bố lớn mà đặc biệt là vụ khủng bố xảy ra tại đất nước từng được mệnh danh "tự do" và "bình yên" trong hàng chục thập kỷ qua. Toàn nhân loại e ngại và lo lắng về những cuộc chiến tranh cục bộ, những xung đột khu vực dai dẳng.

Những vụ thử nghiệm tên lửa mang đầu đạn hạt nhân của một số nước lớn vẫn diễn ra như muốn đe dọa rằng họ có thể đánh trả tức khắc bất kỳ ai tấn công họ...

Đất nước ta, may mắn hơn, đã giữ được bình ổn trên nhiều mặt. Tuy nhiên, chúng ta vẫn luôn phải cảnh giác, đối phó với những yếu tố, nguy cơ có thể gây ra mất ổn định để tập trung xây dựng đất nước. Hơn ai hết chúng ta hiểu rõ giá trị của hai chữ "Hòa Bình", vì những nỗi đau mà dân tộc ta phải gánh chịu bởi chiến tranh giờ đây vẫn còn âm ỉ.

Tình hình kinh tế thế giới có những biểu hiện xuống dốc, có ảnh hưởng không ít đến kinh tế Việt Nam. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam trong năm 2001 vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng vào bậc nhất trong khu vực. Nước ta đã công bố chính thức sản xuất được tấn dầu thứ một trăm triệu. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang trên đà tiến triển.

Trong bối cảnh chung của cả nước, năm 2001, tỉnh Lâm Đồng cũng giành được nhiều thành tích đáng kể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và an ninh quốc phòng. Tổng thu ngân sách vượt kế hoạch, kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, tăng mức thu nhập, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động. Góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành khoa học - công nghệ của tỉnh đã có tác động tốt, mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển dần vào thế đa dạng và phát triển bền vững.

Đón xuân dân tộc 2002, chúng ta rất phấn khởi tự hào, vì sự ổn định và phát triển của đất nước nói chung và của tỉnh nhà nói riêng. Đồng thời chúng ta cũng xác định rõ nhiệm vụ của mỗi người, dù ở cương vị nào cũng đều phải làm việc tốt hơn nữa vì sự thịnh vượng của tỉnh nhà, và của đất nước Việt Nam.

Nhân dịp Xuân về, Thông tin Khoa học - công nghệ Lâm Đồng xin gửi lời chúc mừng năm mới đến đại gia đình các dân tộc tỉnh Lâm Đồng, các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, các cộng tác viên và độc giả gần xa.

Hy vọng rằng Thông tin Khoa học - công nghệ Lâm Đồng sẽ ngày càng phục vụ tốt hơn cho hoạt động khoa học, công nghệ và nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chúc năm mới, thắng lợi mới!

NGHIÊN CỨU DU LỊCH LÂM ĐỒNG - ĐÀ LẠT

TRƯƠNG TRỐ

Sở KH, CN&MT tỉnh Lâm Đồng

Người Việt Nam ta thường có câu “Tháng giêng là tháng ăn chơi” và mùa xuân thường rủ nhau đi “Du xuân” cho nên mùa xuân cũng là mùa du lịch của Việt Nam. Bàn chuyện du lịch trong mùa xuân phải chăng cũng là điều thú vị?

Để tập trung phát triển du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt, ngành kinh tế động lực của tỉnh, ngày 20/11/2001 Tỉnh uỷ Lâm Đồng ra Nghị quyết về phát triển kinh tế du lịch Lâm Đồng thời kỳ 2001 - 2005 và định hướng đến năm 2010. Thực hiện Nghị quyết trên, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành kế hoạch 14/KH-UB; chỉ đạo việc lập và triển khai 10 đề án quan trọng bao gồm: Quy hoạch địa bàn du lịch trọng điểm, hạ tầng giao thông, huy động nguồn vốn, mở rộng sản phẩm du lịch dịch vụ và nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, trách nhiệm các ngành các cấp, vấn đề quảng bá tiếp thị (thông tin), vấn đề an ninh trật tự, thu hút đầu tư, văn hoá du lịch và cuối cùng là bộ máy toàn ngành du lịch, công tác đào tạo.

Trong kế hoạch trên, UBND tỉnh còn giao trách nhiệm cho 2 địa phương (thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc) và 15 sở, ngành cấp tỉnh chủ trì triển khai các hoạt động thuộc chuyên ngành mình phục vụ cho phát triển du lịch. Ngoài ra trong quyết định phê duyệt các chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm giai đoạn 2001 - 2005, UBND tỉnh còn giao nhiệm vụ cho Sở KH, CN&MT cùng phối hợp với ban chỉ đạo chương trình nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn của tỉnh triển khai chương trình “Nghiên cứu phát triển du lịch Lâm Đồng”.

Đó là những biện pháp chỉ đạo rõ ràng, tích cực, đồng bộ để nhằm đạt mục tiêu vài triệu du khách/ năm trong vòng 5 năm tới.

Tuy nhiên đây là một bài toán khó trên quy mô toàn xã hội, không riêng gì một địa phương hoặc một ngành nào; đòi hỏi sự điều hành ở cấp lãnh đạo (vĩ mô), sự tổ chức triển khai của tổ chức cơ sở (vi mô) và sự đồng thuận của công dân được kết hợp thành một sự tổng hoà bền vững.

Do vậy, các đề án cần phải được nghiên cứu kỹ, cần có sự tham gia đóng góp trí tuệ của các nhà trí thức khoa học và quản lý lãnh đạo trong và ngoài tỉnh, kể cả những trí thức Việt kiều.

Một số nội dung cần nghiên cứu là:

- Chiến lược sản phẩm du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt.

- Xác định sản phẩm chủ yếu, các biện pháp đầu tư cho sản phẩm chủ yếu.

- Chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, quy chế và giải pháp quản lý chất lượng sản phẩm.

- Tính bền vững của kinh tế du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt, kết hợp giữa một công viên du lịch và công viên khoa học (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ dược liệu, giáo dục, đào tạo. . .).

- Môi trường (sinh thái, cảnh quan, đô thị, xã hội) là sản phẩm chủ yếu của Đà Lạt - Lâm Đồng. Đà Lạt - thành phố xanh, sạch, đẹp hạng nhất ở khu vực và cả nước.

Tại hội thảo khoa học về du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng do UBND thành phố Đà Lạt và Sở Du lịch Lâm Đồng tổ chức tại Đà Lạt trong tháng 5/2001, nhằm phục vụ cho việc ra Nghị quyết về du lịch của tỉnh, các nhà khoa học đã có đề cập khá nhiều về các nội dung nêu trên. Trong đó tác giả (người viết bài này) đã đưa ra một biểu nghiên cứu du lịch Đà Lạt, là một “ma trận” gồm 50 hàng (tiêu biểu cho sản phẩm và dịch vụ du lịch) như: Môi trường/ cảnh quan; đường giao thông nội thị; đường giao thông liên tỉnh; đường hàng không; vệ sinh đô thị; phương tiện vận chuyển nội thị; các chợ trung tâm; các thắng cảnh (không thu), các thắng cảnh (có thu); cung cấp điện; cung cấp nước; bưu điện - thông tin liên lạc; bệnh viện - phục vụ du khách; an ninh trật tự; bảo hiểm du khách; hướng dẫn du lịch/ thông tin; khách sạn, nhà trọ; nhà hàng ăn uống; quán ăn bình dân; giải trí; marketing du lịch; hoạt động văn hoá, lễ hội; bảo tàng; các ấn phẩm văn hoá; các hoạt động nghệ thuật; quà lưu niệm; đặc sản địa phương; chụp hình; kiến trúc các Dinh; kiến trúc hiện thực; công viên/cây xanh; hoa Đà Lạt; hội nghị, hội thảo quốc tế; hội nghị, hội thảo toàn quốc; nghiên cứu tham quan khoa học; đón khách nước ngoài; giáo dục đào tạo đại học; giáo dục đào tạo trung học; giáo dục dạy nghề; đào tạo về du lịch; phong cách văn hoá; du lịch miệt vườn; du lịch dã ngoại, leo núi; giá cả sản phẩm dịch vụ; quản lý

nhà nước về du lịch; giấy phép kinh doanh/ đầu tư; quản lý và nghĩa vụ thuế; bảo vệ môi trường sinh thái; đầu tư phát triển du lịch và 16 cột (đánh giá chất lượng, mức độ cần thiết và sự phân công trách nhiệm); cụ thể như sau:

STT	Sản phẩm du lịch	Mức độ cần thiết và thực trạng chung						Phân công trách nhiệm và thực trạng										
		Rất cần		Cần		Ít cần		DNNN về du lịch		DNTN về du lịch		Tổ chức khác		Vai trò của công dân địa phương		Vai trò của chính quyền địa phương		
		Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	Tốt	Chưa tốt	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1																		
2																		
3																		

Biểu nghiên cứu này có thể sử dụng để điều tra cho nhiều đối tượng khác nhau, kết quả của nó sẽ là những định lượng cần thiết giúp cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý có một bức tranh tổng quát về du lịch để có sự chỉ đạo điều hành kịp thời theo phương hướng tích cực, theo từng thời gian.

Trong đề án nghiên cứu về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã nêu ra vấn đề cần xem xét trách nhiệm của tỉnh và các ngành. Đây là một cách đặt vấn đề nghiêm túc, đúng đắn. Lâu nay chúng ta thường xem xét vấn đề du lịch một cách định tính như du khách khen hay chê một cách chung chung, hoặc chỉ chú ý số lượng khách gia tăng hàng năm, số ngân sách thu được từ du lịch, chúng ta chưa xem xét một cách định lượng, chẳng hạn như số người góp ý chê, khen trên tổng số điều tra thăm dò từng đối tượng, số lượng cung cầu, cho nên việc hoạch định phương hướng hoạt động rất khó khăn lúng túng và ít sát với tình hình thực tế, kém hiệu quả, chẳng hạn:

- Chưa có cơ quan nào có một báo cáo chính xác về những mặt hàng đặc sản Đà Lạt chất lượng kém nhưng bán cho khách du lịch giá rất cao tại vì sao ?

- Trong những mùa du lịch đỉnh cao sau Tết âm lịch, giá cả phục vụ du khách tăng vọt, nhưng chưa có cơ quan nào kiểm soát xử lý kịp thời hay báo cáo chính xác về nạn "cò", "kéo" trong du lịch, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm của du khách với Đà Lạt.

- Bên cạnh những hiện tượng không tốt đó thì cũng ngay tại thành phố này đã có những điểm du lịch không thu tiền vào cửa, gửi xe không mất tiền và du khách lúc nào cũng đông.

- Tại sao du khách nước ngoài rất thích tìm đến những buôn làng dân tộc (xã Lát). Đó là một nhu cầu thực sự nhưng không có cơ quan, tổ chức nào

quan tâm, tổ chức đáp ứng được yêu cầu trên, vừa đảm bảo sự kiểm soát an ninh trật tự.

Với những ví dụ trên đây (còn quá ít so với thực tế) cũng đã nói lên yêu cầu quan trọng của việc khảo sát, nghiên cứu.

Hiện nay các tour khách du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh lên Đà Lạt thường là ba ngày (đi đường một ngày, ngủ tối thứ nhất, ngày thứ hai đi chơi, ngủ lại thêm tối thứ hai, sáng hôm sau tự do đi mua sắm, đến trưa quay trở về Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy số ngày lưu trú chính thức là hai đêm một ngày. Cũng có tour rút ngắn thời gian lưu trú tại Đà Lạt chỉ còn một đêm một ngày. Làm thế nào để kéo dài thời gian lưu trú của du khách tại Đà Lạt gấp đôi hiện nay là cả một quá trình vô cùng khó khăn, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu kỹ trên lĩnh vực du lịch và có những đầu tư đúng mức của chính quyền tỉnh, các địa phương phát triển du lịch và các đơn vị kinh doanh du lịch.

Nhìn thấy vấn đề này, UBND tỉnh Lâm Đồng đã thành lập ban chỉ đạo phát triển du lịch Lâm Đồng bao gồm các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý chủ chốt của tỉnh về khoa học, kỹ thuật, văn hoá để nghiên cứu, tham mưu cho Tỉnh uỷ và UBND tỉnh những vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch. Để phát huy được yêu cầu này, cơ quan thường trực cần phải được tăng cường nhiều mặt như nhân lực, phương tiện làm việc, phương tiện thông tin, chế độ công tác cho các thành viên Ban chỉ đạo phát triển du lịch Lâm Đồng, các nhà nghiên cứu để có nghiên cứu thẩm định, tham mưu có giá trị khoa học và thực tiễn.

Giữa những ngày xuân mà nghiên cứu về ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng, tuy có khó khăn một chút nhưng có lẽ là những suy ngẫm hữu ích cho mùa xuân này và những mùa xuân đến. ■

NHỮNG VỊ THUỐC TỪ NGỰA VÀ MANG TÊN NGỰA

AN HÒA

Hầu hết các bộ phận từ cơ thể ngựa đều có tác dụng y dược tích cực, chế được thành thuốc chữa trị nhiều bệnh ở người. Hơn nữa, do ảnh hưởng sâu rộng, phổ biến tới lĩnh vực ngôn ngữ nên hình tượng ngựa (mã) còn thấy trong tên những vị thuốc quý làm từ các loài thực vật và động vật khác.

CÁC VỊ THUỐC TỪ NGỰA

* **Thịt ngựa:** Thịt ngựa khá ngon, lại có tác dụng y dược hiệu quả nên nhiều người ưa thích. Nó mang vị ấm nóng, hơi cay, ăn vào sẽ làm khỏe gân, mạnh xương (đặc biệt làm cứng xương sống) và làm thuốc chữa nhiệt khí, đau lưng, tê bại, rụng tóc, hói đầu...

* **Cao xương ngựa:** Được nấu từ toàn bộ xương ngựa (nhưng giá trị nhất vẫn là xương sọ và xương chân), cao có tác dụng bồi dưỡng cơ thể, chữa mệt mỏi, làm khỏe xương. Cao bạch mã (ngựa trắng) còn là thứ thuốc trị chứng phong thấp và bệnh khí hư cho phụ nữ rất hữu hiệu.

* **Sữa ngựa:** Do hàm lượng chất béo chứa bằng một nửa trong sữa bò nên sữa ngựa mang vị thanh mát, dễ uống hơn. Nó có tác dụng tiêu nhiệt, giải độc, lợi tiểu và chữa các bệnh đường ruột.

* **Tuyến giáp trạng ngựa:** Y học hiện đại dùng tuyến giáp trạng ngựa để chế ra một loại bột chứa iodine dưới dạng hữu cơ. Bột này sử dụng để điều trị chứng suy tuyến giáp, bệnh phù viêm, béo bệu và một số rối loạn về phát triển cơ thể.

* **Tuyến thượng thận ngựa:** Bột tuyến thượng thận làm từ

tuyến thượng thận của ngựa có hoạt chất chính là adrenalin tá tuyến. Thuốc này dùng để chữa bệnh suy thận, chứng mệt mỏi và những trường hợp ngộ độc do thức ăn.

* **Tuyến yên ngựa:** Bột tuyến yên toàn phần chế từ tuyến yên ngựa được dùng chữa các chứng còi cọc, chậm lớn, bệnh thiếu năng sinh dục...

CÁC VỊ THUỐC MANG TÊN NGỰA

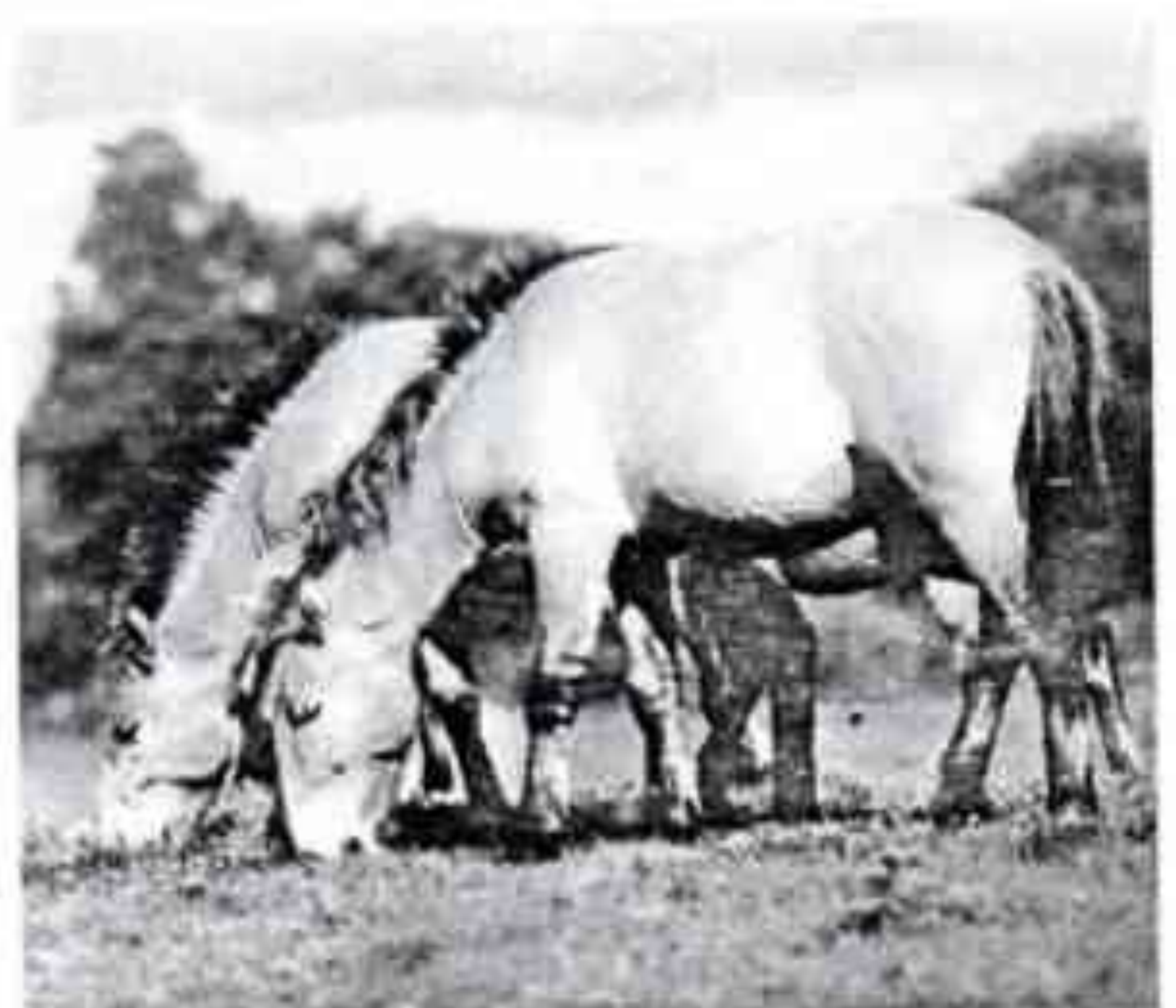
* **Cá ngựa:** Còn mang các tên khác là *hải mã*, *hải long*, *thủy mã*. Sống ở vùng biển nước ta, đầu có dạng giống đầu ngựa, thân dài trung bình 15-20cm, màu trắng, vàng hoặc xanh đen. Cá ngựa bắt về, mổ bỏ nội tạng, uốn đuôi cho cong, phơi hay sấy khô rồi tán thành bột hoặc ngâm vào rượu. Trong y học cổ truyền nó là thứ thuốc vị ngọt, hơi mặn, ấm, tính bình, có tác dụng giảm đau, hưng phấn, kích thích sinh dục, chữa thần kinh suy nhược, cơ thể yếu (nhất là ở người cao tuổi), phụ nữ đau bụng đẻ hoặc chậm có thai.

* **Bọ ngựa:** Còn mang tên khác là *ngựa trời*, *đường lang*. Loài sâu bọ này màu xanh vàng, đầu nhỏ hình tam giác, hai càng dạng lưỡi liềm gập, bụng to, cánh dài. Được sấy khô, tán bột, trở thành vị thuốc hơi ngọt, tính bình, dùng chữa trẻ con kinh phong, co giật.

* **Tô bọ ngựa trên cây dâu:** Còn có tên khác là *tang phiêu diêu*. Loại tổ do bọ ngựa làm, úp dính chặt vào cành dâu, màu nâu trắng, hình mũ dài với các khía ngang, hơi xốp, rất dai, bên trong thường chứa trứng bọ ngựa. Được bóc tách, sấy khô, tán bột, có vị ngọt, tính bình dùng chữa nam giới liệt dương, di tinh, mộng tinh, phụ nữ bế kinh.

* **Ké đầu ngựa:** Còn mang các tên khác là *thương nhĩ*, *xương nhĩ*. Cây cao chừng 1,4-2m, thân có khía rãnh. Lá mọc so le, phiến lá dạng tam giác cong, mép răng cưa, có chỗ khía hơi sâu thành 3-5 thùy, phủ lông ngắn cứng. Quả già hình thoi, có móc (trẻ em đùa nghịch tung bỏ vào nhau rất khó gỡ). Cành, lá, quả đem chế thành thuốc mang vị ngọt, hơi đắng, ấm, tính bình, tác dụng tiêu độc, sát trùng, chữa bثور cổ (do chứa nhiều chất iodine), trị tê bại, phong hàn, mẫn ngứa, mụn nhọt, viêm mũi...

* **Cỏ roi ngựa:** Còn gọi là *mã tiên thảo*. Cỏ dài, thẳng, có đốt như roi ngựa. Sống rất dai, cao 0,1-1m, thân có 4 cạnh, lá mọc đối, xếp thùy hình lông chim. Đem chế thành thuốc, có vị đắng, hơi hàn, tác dụng thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, phá huyết thông kinh, trị những bệnh tích tụ trĩ,



Hai chú Ngựa Przewalski quý hiếm

trùng, hệ kinh, mụn xương và các chứng lở.

*** Mã đề:** Còn có các tên khác là *đề thảo, xa tiền*. Loài cỏ này xư a hay mọc ở vết chân ngựa kéo xe nên thành tên gọi (*mã* là ngựa, *đề* là móng chân). Thân ngắn, lá quy thành cụm ở gốc, cuống dài, phiến lá hình trứng với gân dọc. Cây sống lâu năm, mọc hoang và cũng được trồng ở một số nơi, đem chế thành thuốc mang vị ngọt nhạt, tính mát, tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu, chữa trị sốt, ho, bỏng, đau mắt đỏ, mụn nhọt, phù thũng, viêm nhiễm đường tiết niệu, đái dắt, kết ly...

*** Mã đề nước:** Còn mang tên khác như *le, hẹ nước, trạch tả, thủy xa tiền*. Cỏ mọc hoang trong nước, thân rất ngắn hoặc không có thân, lá tập trung thành cụm, hoa màu trắng với cuống dài nổi trên nước. Sấy khô hoặc giã, ép lấy nước, nó là thứ thuốc vị ngọt, tính lạnh, tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tiêu viêm, lợi tiểu, chữa bỏng, sưng đau, lở loét, tê bại, bí tiểu tiện...

*** Mã liểu:** Còn có tên khác là *nghe rằm*. Cây thân ngắn, mềm, lá hình thoi dài, cuống lá sần chắc. Mọc hoang ở những vùng trũng hoặc ẩm, đem chế thành thuốc mang vị hơi đắng, cay, ấm, tác dụng giải độc thức ăn, chữa sưng, lở, mụn nhọt, kích thích tiêu hóa, chống đầy hơi, đau bụng.

*** Mã liên an:** Còn mang các tên khác là *hà thủ ô trắng, dây sữa bò*. Cây có củ, thân dây, lá to mỏng, mọc leo hoặc lan trên đất phổ biến ở miền trung du và ven bờ ruộng một số vùng đồng bằng. Tương truyền, ngày xưa một ông tướng đang cưỡi ngựa đi đường thì bị trúng cảm, ngã bất tỉnh, nhưng may được thầy thuốc gần đó dùng một loại cây cứu chữa khỏi, ông tướng đã biểu thầy thuốc cả ngựa lẫn yên để tạ ơn, từ đây loài cây này mang tên mã liên an (nghĩa

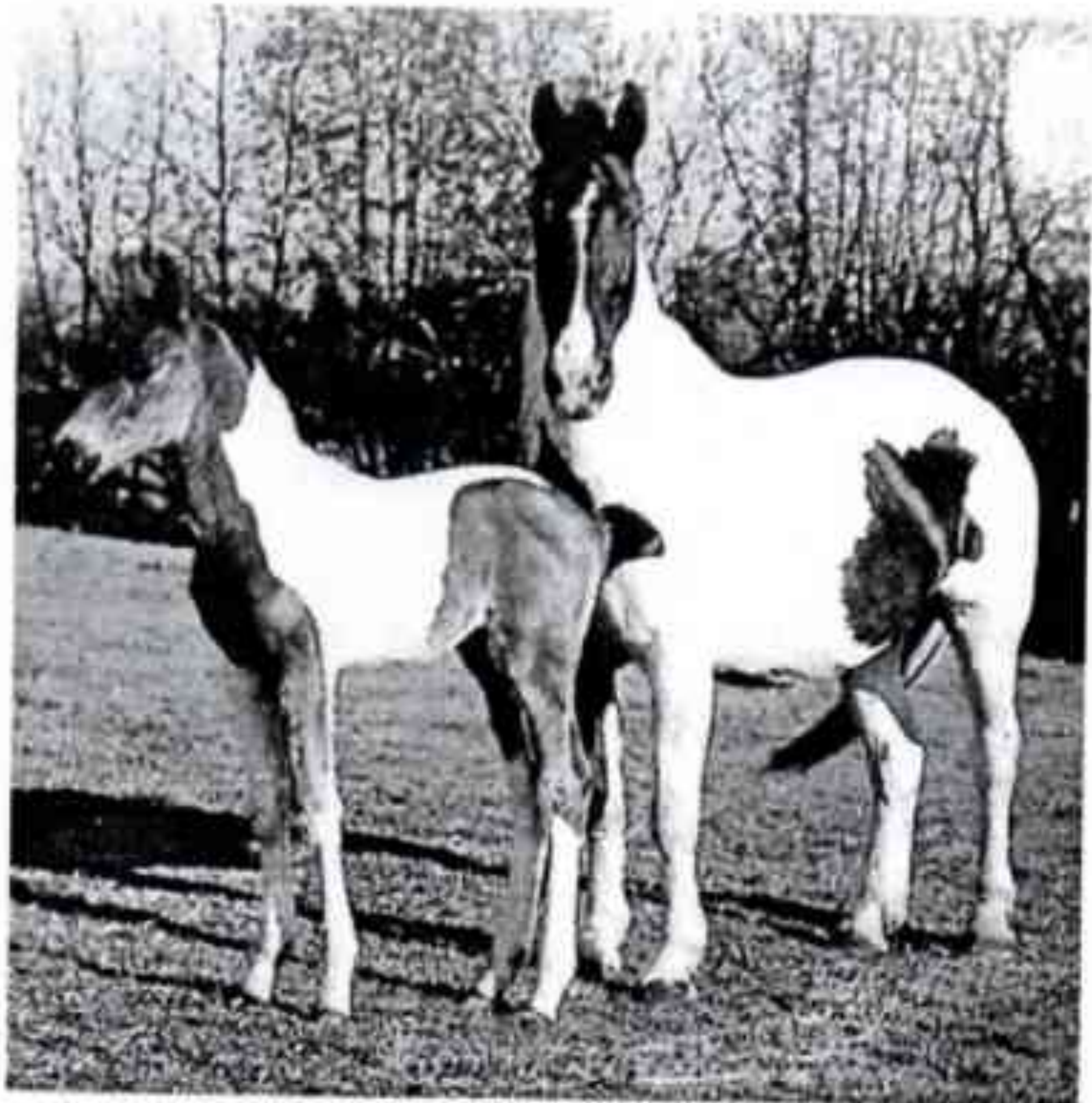
là "ngựa liên yên"). Được dùng tươi hoặc sấy khô, toàn bộ lá, dây, củ của nó đều có thể làm thuốc, mang vị đắng, mát, tính bình, trị chứng suy nhược thần kinh, thiếu máu, bệnh phong thấp, tê bại, đau xương, mỏi gối, hạch đới, khí hư, kinh nguyệt không đều và chữa rắn cắn.

*** Mã thầy:** Còn có tên khác là *củ năn, bột tế*. Cây mọc dưới nước, củ khá to, thân không lá, tròn dài gần như chia đốt vì ngoài mặt mang khía dọc nhưng phía trong lại nhiều vách ngang. Củ mã thầy giàu chất dinh dưỡng, là thức ăn rất mát, bổ và là vị thuốc tiêu khát, chữa bệnh về gan, tả, thương hàn...

*** Mã tiền:** Còn mang tên là *củ chi*. Có hai loài: thân gỗ và dây leo. Cây thân gỗ mọc ở các tỉnh miền Nam, cao 5-12m, thân thẳng đứng, vỏ xám, khi non có gai, lá mọc đối, cuống ngắn, phiến lá dạng bầu dục với hai đầu hơi nhọn, gân lá hình lông chim. Còn

cây thân dây leo lại chỉ thấy ở các tỉnh phía Bắc, thân leo ngoằn ngoèo với đường kính 10-15cm, chiều dài 30-40cm. Cả hai loài đều cho quả có nhiều công dụng y dược nhưng lại chứa chất strychnin rất độc. Vì vậy, khi quả chín, người ta thu nhặt, lấy hạt, khử bỏ hết chất độc rồi phơi khô, đem chế mới thành được thứ thuốc vị hơi đắng, tính lạnh, tác dụng mạnh gân cốt, thông kinh lạc, trị phong thấp, tê bại. Y học hiện đại còn dùng hạt mã tiền điều chế được nhiều loại thuốc kích thích hệ thần kinh, tuần hoàn, tiêu hóa... rất công hiệu.

*** Mã sĩ hiện:** Còn có tên là *rau sam*. Cây mọc lan trên mặt đất, thân mọng màu tím đỏ, lá dày hình thìa xanh sẫm. Nấu canh hoặc giã, ép lấy nước, trở thành thứ thuốc mang vị chua, nhớt, mát, tác dụng nhuận tràng, giải độc, tiêu viêm, sát trùng, thanh nhiệt, chữa bệnh về gan, đường ruột, trị mụn nhọt, khô da...



Mẹ con Ngựa khoang

MỘT SỐ NÉT VỀ DỰ ÁN

“CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT”

NGUYỄN VINH LUYỆN

Ban quản lý dự án thành phố Đà Lạt

Dự án “Cải thiện điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt” là một tiểu hợp phần trong chương trình hỗ trợ ngành nước tại Việt Nam, thực hiện theo hiệp định ký kết vào tháng 12 năm 2000 giữa chính phủ Đan Mạch và chính phủ Việt Nam.

Hệ thống thoát nước hiện nay của thành phố là hệ thống thoát chung: nước thải sinh hoạt của hộ gia đình cùng với nước mưa thoát chung trong hệ thống mương rãnh hoặc cống dọc theo đường giao thông, sau đó chảy vào các suối nhỏ và cuối cùng thoát chung vào suối chính.

Với dân số và du khách ngày càng gia tăng, lượng nước thải sinh hoạt hàng ngày đã đạt vào khoảng 20.000 m³/ngày. Lượng nước thải này không được xử lý đã có nhiều tác động xấu đến môi trường, ô nhiễm nguồn nước và làm giảm vẻ hấp dẫn của cảnh quan. Đặc biệt vào mùa nắng khi lượng nước mưa ít, dòng chảy trong các suối chỉ còn chủ yếu là nước thải sinh hoạt thì sự ô nhiễm đã lên đến mức báo động, gây mất vệ sinh và bốc mùi hôi thối (chỉ tiêu BOD tại một số vị trí của suối Cam Ly đã vượt trên 60 mg/l).

Các phương tiện xử lý vệ sinh của các hộ gia đình, hệ thống thoát nước công cộng của thành phố hiện chưa được xây dựng đồng bộ và quản lý chặt chẽ nên cũng đã góp phần ảnh hưởng xấu đến tình trạng vệ sinh đô thị.

1. MỤC ĐÍCH CỦA DỰ ÁN

Mục đích của dự án “Cải thiện điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt” nhằm nâng cao điều kiện đảm bảo sức khỏe cho người dân do giảm được sự ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt và giúp người dân có nhận thức tốt hơn về vấn đề vệ sinh và sức khỏe.

Môi trường cảnh quan của thành phố Đà Lạt được cải thiện tốt hơn, thu hút khách du lịch, tác động tốt đến kinh tế của địa phương.

Ngoài ra, dự án góp phần khắc phục tình trạng lũ lụt cục bộ trong khu vực ven suối Phan Đình Phùng và đoạn suối Cam Ly qua phường 4 và 5 thành phố Đà Lạt.

2. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ QUY MÔ DỰ ÁN

Nhằm thực hiện các mục đích trên, dự án sẽ triển khai ba hạng mục chính gồm:

- Chương trình giáo dục truyền thông nhằm nâng cao ý thức về sức khỏe và vệ sinh trong nhân dân.

- Hạng mục xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

- Chương trình phát triển thể chế, tổ chức quản lý khai thác sử dụng.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ tập trung trình bày một số nét của các công trình xử lý nước thải.

2.1 Công trình xử lý nước thải tập trung

2.1.1 Hệ thống cống thoát nước thải riêng biệt

Dự án sẽ đầu tư xây dựng mới một hệ thống cống thu nước thải sinh hoạt riêng biệt cho dân cư trong khu vực trung tâm thành phố Đà Lạt (KV1). Hệ thống cống này được xây dựng mới và tách biệt với hệ thống thoát nước hiện có. Chế độ dòng chảy trong cống là tự chảy theo trọng lực.

Khu vực này thuộc các phường trung tâm thành phố có mật độ dân số trên 200 người/ha, gồm phường 1, phường 2, một phần của phường 4, 5, 6. Ranh giới cụ thể được xác định như sau: về phía Tây giáp trục đường Mai Hắc Đế - Ngô Quyền - Bạch Đằng; về phía Bắc giáp đường Hai Bà Trưng nối dài - La Sơn Phu Tử - Nguyễn Công Trứ; về phía Đông giáp đường Đinh Tiên Hoàng và về phía Nam giáp suối Cam Ly từ hồ Xuân Hương đến cầu đường 3/2 - đường Hoàng Diệu.

2.1.2 Trạm bơm chính

Toàn bộ nước thải sinh hoạt gia đình của các hộ trong khu vực nêu trên được thu vào hệ thống cống và sau đó chảy tập trung về trạm bơm chính, địa điểm xây dựng tại vị trí “Lò giết mổ gia súc” hiện nay tại đường Lê Quý Đôn, phường 5. Từ trạm bơm chính nước thải sẽ được bơm về nhà máy xử lý.

Ngoài ra, dự kiến sẽ bố trí 4-6 trạm nâng tại một số vị trí cục bộ trên tuyến cống để đảm bảo độ sâu chôn ống không vượt quá 5m.

2.1.3 Nhà máy xử lý nước thải tập trung

Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho khu vực I được xây dựng tại hạ lưu suối Cam Ly - cuối khu vực hẻm Ngô Quyền, phường 6, nhà máy có công suất khoảng 7.000m³/ngày, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải đến năm 2010.

Theo tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam TCVN 1442-95, nước thải sau khi xử lý (xả vào suối Cam Ly) phải đạt tiêu chuẩn nước loại B- ($BOD \leq 25 \text{ mg/l}$).

Nước thải được xử lý qua công nghệ xử lý cơ học, sinh học và xử lý cặn như sau:

- Lắng cơ học (bậc 1): nhằm loại bỏ ra khỏi nước thải các tạp chất thô và các cặn lắng được hàng quá trình lắng trọng lực. Trong công đoạn này, có thể loại bỏ khỏi nước thải khoảng 60% hàm lượng cặn và khoảng 30% lượng BOD và COD.

- Xử lý sinh học (bậc 2): được thực hiện bằng các bể lọc sinh học nhằm loại bỏ khỏi nước thải các chất hữu cơ ở dạng hòa tan và các chất lơ lửng không lắng được bằng trọng lực. Bản chất công nghệ của quá trình này là sử dụng hoạt động sống của rất nhiều loại vi sinh vật có trong nước thải để làm sạch nước.

- Xử lý cặn: Chất thải rắn tách ra từ nước thải sau công đoạn bậc 1 và biomass tách ra từ nước thải sau công đoạn 2, được xử lý bằng quá trình lên men kỵ khí, sau đó làm khô bằng phương pháp phơi - sấy. Cặn nước thải của Đà Lạt được dùng để chế biến phân bón nông nghiệp vì có chứa rất ít kim loại nặng.

2.2 Xử lý nước thải tại chỗ (ngoài KVI)

Ngoài phạm vi khu vực I, tại các phường xã còn lại của thành phố Đà Lạt và xã Lát của huyện Lạc Dương, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình sẽ được xử lý tại chỗ bằng phương pháp hầm tự hoại. Dự án sẽ triển khai việc xây dựng mới hoặc nâng cấp các trang thiết bị vệ sinh tại chỗ, khoảng 4.000 hầm tự hoại và 2.300 nhà vệ sinh, việc xây dựng sẽ ưu tiên cho các hộ nghèo sống ven suối.

2.3 Cải tạo suối Phan Đình Phùng

Phạm vi đầu tư được xác định từ cầu đường La Sơn Phu Tử đến ngã ba hòa vào suối Cam Ly, đoạn suối này có chiều dài tổng cộng là 1.900m. Mục tiêu của dự án nhằm ngăn chặn sự xói mòn hoặc bồi lắng hai bờ suối, cải thiện được các điều kiện dòng chảy để thoát nước lũ theo tần suất $P = 10\%$, ngăn chặn việc vứt bỏ rác thải xuống lòng suối.

Mặt cắt ngang cải tạo có tiết diện hình thang với kích thước bề rộng mặt trên $B_m = 6-7,5\text{m}$, với kết cấu gia cố lòng suối bằng khối xây đá chẻ. Hai bờ suối bố trí đường giao thông khu vực, phía đông có đường rộng 3,5m và phía tây có đường rộng 2m.

2.4 Cải tạo suối Cam Ly

Phạm vi đầu tư được xác định từ sau hồ Xuân Hương đến thác Cam Ly có chiều dài 2.150m và được chia thành 2 đoạn:

- Đoạn 1: từ sau hồ Xuân Hương đến suối Phan Đình Phùng dài 1.090m, lưu lượng thiết kế $140\text{m}^3/\text{s}$ (với kích thước mặt cắt ngang cải tạo có bề rộng $B_m = 17\text{m}$).

- Đoạn 2: từ suối Phan Đình Phùng đến thác Cam Ly dài 1.060m, lưu lượng thiết kế $140\text{m}^3/\text{s}$ (với kích thước mặt cắt ngang cải tạo có bề rộng $B_m = 25\text{m}$).

Dự kiến nạo vét mở rộng lòng suối bảo đảm thoát lũ theo tần suất $P = 10\%$; gia cố kè 2 mái suối, xếp đá hộ lòng suối, tạo hành lang bảo vệ suối rộng mỗi bên 3m. Xây dựng mới 3 đập dâng hình thành lớp nước trên suối trong mùa khô và xây dựng 3 cầu giao thông nhỏ để phục vụ nhu cầu giao thông của người dân.

2.5 Tổ chức quản lý khai thác sử dụng

Bao gồm các công tác chính như sau:

- Thành lập một đơn vị quản lý nước thải: huấn luyện cán bộ và nhân viên về công tác vận hành hệ thống thoát nước và thiết bị xử lý; biên soạn các tài liệu hướng dẫn việc vận hành và bảo trì; thiết lập các hệ thống thông tin về tài chính và quản lý.

- Nghiên cứu thiết lập cơ cấu thu phí thoát nước thải và vệ sinh, bảo đảm khả năng thanh toán cho những hộ có thu nhập thấp.

Ngoài ra, dự án sẽ thực hiện công tác cập nhật kế hoạch quản lý môi trường, kế hoạch giám sát tác động đến môi trường, nhằm theo dõi những chuyển biến tích cực về hiệu quả của dự án đối với môi trường và khắc phục những vấn đề còn tồn tại.

2.6 Vấn đề đầu tư

Tổng mức vốn đầu tư của dự án được dự kiến là 321 tỷ VNĐ.

Vốn đóng góp của Chính phủ Việt Nam là 64 tỷ VNĐ, khoảng 20% tổng vốn đầu tư (dành cho hạng mục cải tạo suối Cam Ly và chi phí đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng).

Vốn viện trợ của Chính phủ Đan Mạch là 257 tỷ VNĐ, khoảng 80% tổng vốn đầu tư (dành cho các hạng mục truyền thông, xử lý nước thải, cải tạo suối Phan Đình Phùng, hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức quản lý khai thác sử dụng).

3. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

Kết quả thực hiện dự án sẽ đem lại những lợi ích thiết thực về môi trường, tác động thuận lợi đến đời sống kinh tế - xã hội của thành phố Đà Lạt như:

- Nâng cao điều kiện đảm bảo sức khỏe cho người dân thành phố Đà Lạt do giảm được tình trạng ô nhiễm của nguồn nước và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và do người dân có nhận thức tốt hơn

về vấn đề vệ sinh và sức khỏe.

- Cơ sở hạ tầng được cải thiện tốt hơn, giúp thành phố Đà Lạt thu hút nhiều khách du lịch, tác động tốt đến nền kinh tế của địa phương.

- Góp phần khắc phục tình trạng lũ lụt, bảo đảm an toàn cho người và tài sản trong khu vực ven suối.

Tuy nhiên, việc thực hiện một dự án mang tính quy mô rộng lớn như vậy chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tới nhiều mặt của đời sống sinh hoạt của nhân dân và mỹ quan thành phố trong thời gian thực hiện.

4. MỘT SỐ TÁC ĐỘNG TRONG THỜI GIAN THỰC HIỆN

4.1 Công tác đền bù giải tỏa

Việc giải phóng mặt bằng được tiến hành trong khu vực nhà máy, các trạm bơm, hành lang suối Phan Đình Phùng và suối Cam Ly và một số vị trí dọc theo đường cống thoát nước thải.

Khối lượng giải phóng mặt bằng gồm việc thu hồi đất với diện tích khoảng 20ha, giải tỏa nhà với diện tích khoảng 7.000m² và có liên quan đến khoảng 600 hộ, trong đó khoảng 120 hộ phải di chuyển chỗ ở hoặc chỗ sản xuất. Tổng chi phí đền bù ước tính khoảng 40,5 tỷ.

Song song với công tác đền bù thiệt hại để thu hồi đất, sẽ triển khai các dự án tái định cư để giao đất cho những hộ phải di dời trong khu vực dự án để tái định cư và góp phần chỉnh trang thành phố. Các khu vực quy hoạch nhà ở phục vụ tái định cư được bố trí không quá xa nơi giải tỏa và sẽ được xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng như đường nhựa, cung cấp điện nước; gồm 4 khu vực: khu vực 226 Phan Đình Phùng, khu vực đường Ngô Quyền - Bạch Đằng, khu vực Hoàng Văn Thụ - cuối Mạc Đĩnh Chi và khu vực N1-N4 dọc suối Phan Đình Phùng. Tổng cộng diện tích các khu vực quy hoạch dân cư phục vụ tái định cư của dự án là 17,6 ha, dự kiến có 286 lô nhà liên kế, 154 nhà biệt lập và 18 khu nhà chung cư (dự kiến 376 căn hộ). Tổng mức vốn đầu tư của các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng lên đến khoảng 40 tỷ VNĐ và nằm ngoài kinh phí của dự án thoát nước và vệ sinh.

4.2 Việc đào đường đặt tuyến cống

Việc đào đường và vỉa hè trong quá trình thi công lắp đặt cống sẽ làm phát sinh tiếng ồn, bụi, đất đá, phế thải xây dựng làm bẩn đường phố và ô nhiễm không khí, ảnh hưởng tới việc đi lại, sinh hoạt của nhân dân địa phương và khách du lịch.

Việc đào đường nhựa mới thi công xong trong thời gian gần đây để lắp đặt cống là khó có thể tránh khỏi, sẽ gây ra những tác động không thuận

lợi về mặt tâm lý nên cần phải hạn chế tối đa bằng nhiều biện pháp về thiết kế và thi công.

4.3 Việc đấu nối các thiết bị vệ sinh của hộ gia đình vào hệ thống cống thoát nước thải

Việc đấu nối các thiết bị vệ sinh từ trong từng nhà dân vào hệ thống cống thoát nước thải riêng ngoài đường phố sẽ là một quá trình gặp không ít khó khăn, phải đào nền nhà - đặt mới đường ống, đục chạm tới khu vệ sinh, cấu trúc ngôi nhà và sẽ tạo nên những xáo trộn nhất định tác động tới sinh hoạt của các hộ gia đình trong thời gian thi công.

Mặc dù chi phí đấu nối và hoàn trả cấu trúc cũ của ngôi nhà do dự án đòi hỏi toàn bộ, nhưng việc vận động thực hiện cần được tổ chức thành một chương trình dài hạn cùng với việc đề ra những biện pháp hành chính bắt buộc phải thực hiện.

4.4 Phụ thu nước thải

Dự án khi đưa vào sử dụng là công trình phục vụ dân sinh không nhằm thu lợi nhuận kinh tế trực tiếp, mức phụ thu nước thải trong giá cung cấp nước sạch chỉ ở mức đủ bù đắp chi phí bảo dưỡng và vận hành trong quá trình hoạt động, để đảm bảo khả năng thanh toán cho những hộ có thu nhập thấp (mức phụ thu hiện nay là 270đ/m³ và trong tương lai có thể tăng thêm đến trên 800 đ/m³). Như vậy, các hộ gia đình sẽ phải trang trải thêm một số tiền cho việc xử lý môi trường.

Dự án sẽ tiếp tục nghiên cứu chính sách phù hợp về giá phụ thu nước thải, bảo đảm sự thành công trọn vẹn cả về mặt môi trường lẫn xã hội. ■



LÀM CÁCH NÀO ĐỂ HOA MAI NỞ ĐÚNG TẾT

NGUYỄN DANH VÀN

Việc điều khiển cho cây hoa Mai nở hoa vào đúng dịp Tết Nguyên Đán là một việc làm không phải đơn giản vì nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, những người chưa có kinh nghiệm ít nhiều sẽ dễ bị thất bại.

Muốn cho cây Mai nở hoa đúng Tết thì phải canh ngày lấy (lặt) lá Mai sao cho đúng lúc. Đây có thể được coi là yếu tố ảnh hưởng quan trọng nhất. Với loại Mai vàng 5 cánh thường người ta lấy lá vào rằm tháng chạp nếu là những năm không có biến động gì lớn về thời tiết trong tháng chạp. Nếu trong tháng chạp trời nắng, nóng hoặc có gió chướng mạnh thì Mai sẽ nở sớm hơn vì thế phải lấy lá Mai trễ hơn (có thể lấy từ ngày 17-20 tháng chạp). Ngược lại nếu năm nào mưa nhiều, mùa mưa chấm dứt muộn, thời tiết tháng chạp lạnh nhiều hoặc ít gió chướng thì thường Mai sẽ nở trễ hơn, vì thế nên lấy lá Mai vào trước ngày rằm (khoảng 10-13 tháng chạp).

Những năm có tháng nhuận hoặc những năm lập Xuân sớm thường Mai cũng nở sớm, vì thế cũng phải lấy lá Mai trễ hơn so với những năm không có nhuận hoặc lập Xuân trễ.

Những cây Mai trồng ở nơi có đất tốt, phát triển tốt thường nở hoa trễ hơn so với những cây Mai trồng ở nơi đất xấu, còi cọc, vì thế chúng phải được lấy lá sớm hơn.

Những giống Mai có nhiều cánh (12 cánh trở lên) thường nở hoa trễ hơn giống Mai vàng 5 cánh khoảng 5-7 ngày, vì thế phải lấy lá sớm hơn.

Theo kinh nghiệm dân gian người ta thường canh ngày lấy lá Mai làm sao để đến ngày 23 tháng chạp nụ hoa bung vỏ lụa (búp vỏ trấu), khi đó hoa sẽ nở đúng vào Tết. Nếu đến ngày 23 tháng chạp nụ hoa chưa bung vỏ lụa thì cần tìm cách "đưa" cây Mai ra chỗ nắng (nếu có thể được), tưới nước vào buổi trưa hoặc tưới nước nóng ấm tay. Ngược lại nếu nụ hoa đã bung vỏ lụa trước ngày 23 tháng chạp thì tìm cách đưa cây Mai vào chỗ râm mát, tưới nước vào sáng sớm, tưới thêm phân đạm pha loãng để làm chậm lại thời gian nở hoa.



Trên đây là một vài kinh nghiệm cơ bản nên áp dụng và rút tỉa dần kinh nghiệm để giúp cho những cây Mai nở hoa vào đúng dịp Tết.



ABC ĐÀ LẠT

NGUYỄN HỮU TRANH
 Câu lạc bộ tiếng Pháp TP Đà Lạt

CHÙA LINH PHONG

Chùa Linh Phong (còn gọi là Chùa Sư Nữ) tọa lạc trên một ngọn đồi (*phong*: đỉnh đồi) tại 72° Hoàng Hoa Thám.

Từ một niệm Phật đường mái tôn vách ván dựng lên từ năm 1944, sư bà Thích nữ Từ Hương từ năm 1948 đã bắt tay xây dựng thành một ngôi chùa và được hoàn thành vào năm 1962.

Cổng tam quan được xây bằng đá xanh, tầng trên cổng thờ tượng Hộ Pháp. Giữa sân chùa là tượng Bồ tát Quán Thế Âm. Mái chùa cong được trang trí bằng hình tứ linh (long, lân, quy, phụng).

Chánh điện thờ tượng Phật A Di Đà cao 1,8m. Phía sau chánh điện là dãy Đông lang dành cho ni chúng và Tây lang dùng làm giảng đường và nhà khách.



Muốn vào chùa Linh Phong, du khách có thể bước trên các bậc cấp trên một đoạn đường dài khoảng 40m hay đi xe thẳng đến sân phía sau chùa.

Từ sân trước chùa Linh Phong, du khách nhìn thấy thung lũng với những vườn hồng, mận, rau, hoa của nông dân trong vùng.

CHÙA LINH PHƯỚC

Chùa Linh Phước ở Trại Mát, cách trung tâm Đà Lạt 9km về hướng Đông Nam, được khởi công xây dựng từ năm 1949, khánh thành năm 1952 và trùng tu toàn bộ năm 1990.

Chánh điện dài 33m, rộng 22m.



Đặc điểm của chùa là các mảng trang trí trên cột, phù điêu và các tượng rồng đều gắn mảnh sành.

Đại hồng chung có đường kính 2,2m, cao 4,3m, nặng 6,5 tấn, được rót đồng ngày 29-8-1999.

* *Linh* : thiêng liêng; *Phước* : phúc, điều lành.

CHÙA LINH QUANG

Chùa Linh Quang tọa lạc tại số 133 Hai Bà Trưng.

Đây là ngôi chùa được xây dựng đầu tiên ở Đà Lạt vào năm 1931 nên còn gọi là Tổ đình Linh Quang.

Năm 1953, chùa mở trường trung học tư thục Tuệ Quang - một trong những trường trung học tư thục đầu tiên ở Đà Lạt dạy chương trình trung học bằng tiếng Việt.

Năm 1968, chùa bị máy bay ném bom. Đến năm 1972, chùa được trùng tu.

Trên hai mảng tường hẹp trước chánh điện có bức phù điêu khắc cảnh vườn Lộc Uyển. Ở các góc mái chùa đắp nổi hình chim phượng.

* *Quang* : ánh sáng.

CHÙA LINH SƠN

Cách khu Hoà Bình hơn 700m về hướng Tây Bắc, chùa Linh Sơn được xây dựng trên một ngọn đồi rộng khoảng 4 ha trồng bạch đàn, thông, tùng, trắc bách diệp, mai anh đào,...

Chùa được xây dựng từ năm 1936, hoàn thành năm 1940.

Cảnh chùa trang nghiêm, cổ kính. Trong sân chùa là cụm giả sơn giữa hai hồ nước nhỏ.

Hai bên bậc cấp dẫn vào chánh điện là hai con rồng uốn khúc. Ở giữa điện Phật thờ tượng Phật Thích Ca bằng đồng nặng 1.250 kg đúc năm 1952. Bên phải tiền đường là tháp hình bát giác có vẻ đẹp kiến trúc phương Đông.

Trên cột trong chánh điện và trước tiền đường có treo nhiều câu đối trong đó có một câu đối khảm xà cừ đượm ngát hương thiền:



Sơn sắc đậm tùy nhân nhập viện,
Tùng thanh tĩnh khách đàm thiền.
(Màu núi nhạt theo người vào viện,
Tùng im tiếng nghe khách đàm thiền).

* **Linh Sơn** : núi Linh Thứu (Grdhrakuta) ở phía Bắc Ấn Độ, nơi đức Phật Thích Ca thuyết pháp và khai nguyên Thiền tông.

LITX

* Hoa litx (Lys : *Lilium longiflorum* Thunb., họ *Liliaceae*) còn gọi là bạch huệ.

* Hoa to, trắng, mùi thơm mát dịu. Chùm hoa mọc trên thân phát hoa cao. Củ hành có vảy.

* Hoa có nguồn gốc từ miền Địa Trung Hải. Các giống hoa litx trồng ở Đà Lạt được nhập từ Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản. Từ năm 1993, Công ty Hasfarm phổ biến giống litx có thân phát hoa thấp, hoa màu vàng da cam, trồng trong chậu nhỏ.



LOA KÈN ĐỎ

* Hoa loa kèn đỏ (*Amaryllis, Belladonna Lily* : *Hippeastrum equestre* Herb., họ *Amaryllidaceae*) còn gọi là huyết huệ, lan huệ hay tứ phương.

* Hoa giống như chiếc loa kèn màu đỏ, dài khoảng 10cm, nở vào đầu mùa mưa.

* Cây hoa loa kèn đỏ là một loài địa thực vật có

củ to, trục cao 30 – 40cm, cứng, mọc thẳng từ dưới đất lên.

LÔNG ĐÈN

* Hoa lông đèn (*Fuchsia magellanica* Lam., họ *Onagraceae*) còn gọi là hoa dăng.

* Hoa có hình dáng giống như chiếc lông đèn do nhụy hoa dài hơn cánh hoa tạo ra.

* Từ những dãy núi cao châu Mỹ, hoa được di thực vào châu Âu năm 1830.

* Người Âu, Mỹ gọi hoa lông đèn là *Fuchsia* xuất phát từ tên một nhà thực vật học Đức - Leonard Fuchs.

* Cây hoa lông đèn được trồng trong chậu hay cho leo trên giàn hoa.

* Hoa lông đèn biểu hiện sự nồng nhiệt và ám chỉ yêu với tất cả trái tim.

LỮ GIA

* Tên một con đường dài 1,1km từ ngã tư Phan Chu Trinh đến đường Lý Thường Kiệt, thuộc phường 9.

* **Đặc điểm** : Phần lớn đường nằm trong khu vực Học viện Lục quân.

* Năm 207 trước công nguyên, Triệu Đà lập nước Nam Việt.

Năm 112 trước công nguyên, triều chính suy đồi, nhà Hán sai sứ là Thiệu Quý sang dụ Triệu Ai Vương về hàng.

Mẹ Ai Vương là Cù Thị thông dâm với Thiệu Quý, mưu toan về hàng nhà Hán.

Lữ Gia là một tế tướng trung thực, khảng khái, cương quyết không chịu hàng. Sau khi hết lời can gián vua và thái hậu, ông truyền hịch kể tội bán nước của hai người, rồi cùng các đại thần đem quân giết Thiệu Quý, Ai Vương, Cù Thị và tôn người con trưởng của Triệu Minh Vương là Kiến Đức lên ngôi.

Nhà Hán sai quân đánh lấy Nam Việt. Vì quân ít, thế cô, Lữ Gia tử trận.

LÝ THƯỜNG KIỆT

* Tên một con đường nối từ đường Chi Lăng trên địa bàn phường 9.

* **Đặc điểm**: Đường nằm trong khu vực Học viện Lục quân.



* Lý Thường Kiệt (1019 – 1105), húy là Tuấn, tự Thường Kiệt, quê phường Thái Hòa, kinh thành Thăng Long.

Văn võ kiêm toàn, dưới triều Lý Thánh Tông, ông “hầu cận bên vua, hiến việc tốt, can việc xấu, giúp vua hết mọi cách”.

Vua Lý Nhân Tông gia phong ông chức Đại tướng quân, Đại tư đồ. Ông liên kết nhân tâm, “đốc một lòng lấy sự yên xã tắc làm vui, trong ngoài đều được yên ổn”.

Năm 1705, nghe tin quân Tống muốn xâm lược nước Đại Việt, với tư tưởng tấn công để tự vệ, ông thống lĩnh thủy quân chiếm hai hải cảng Khâm, Liêm (Quảng Đông), đưa quân tiến vào nội địa, hợp cùng bộ binh phá thành Ung (Quảng Tây), sau đó hạ lệnh lui quân.

Năm 1076, quân Tống chuẩn bị đưa quân sang đánh Đại Việt để chiếm thành Thăng Long và phá các lăng tẩm nhà Lý. Lý Thường Kiệt xây dựng phòng tuyến sông Cầu.

Năm 1077, sau khi thất bại ở bến đò Như Nguyệt, tướng Tống là Quách Quỳ sai đóng bè đổ bộ lên nam ngạn nhưng thất bại, về sau ra lệnh rút quân.

LÝ TỰ TRỌNG

* Tên một con đường dài 0,8km từ cuối đường Phan Bội Châu đến gần cao điểm 1.532m, nằm trên đường ranh giới giữa phường 1 và phường 2.

* Tên đường cũ : France, Pháp Quốc, Cộng Hòa.

* Đặc điểm : Đường dốc, vắng, quanh co.

* Lý Tự Trọng (1914 – 1931) sinh tại tỉnh Lạc-khôn (Thái Lan).

Anh là một trong bảy thanh niên được Nguyễn Ái Quốc huấn luyện ở Quảng Châu (Trung Quốc) tại cơ quan của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí

hội. Nói thạo tiếng Trung Quốc và tiếng Anh, anh vừa đi học vừa làm liên lạc, đem tài liệu từ Quảng Châu ra Cửu Long để gửi về nước.

Năm 1929, anh về nước làm liên lạc giữa Tổng Bí thư Trần Phú với các đồng chí Xứ ủy Nam Kỳ, Thành ủy Sài Gòn và hoạt động trong giới thanh niên công nhân và học sinh ở Sài Gòn.

Ngày 8-2-1931, Thành ủy Sài Gòn chủ trương nhân trận đá bóng tổ chức mít tinh kỷ niệm một năm ngày khởi nghĩa Yên Bái, phát động quần chúng đấu tranh chống chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp. Lý Tự Trọng được phân công bảo vệ một số cán bộ lãnh đạo đến sân vận động. Anh nổ súng bắn chết tên thanh tra mật thám Pháp và bị bắt. Thực dân Pháp hết tra tấn lại dụ dỗ anh nhưng anh vẫn một lòng trung kiên.

Cuối năm 1931, kẻ thù đưa anh lên máy chém. Trước lúc hy sinh, anh vẫn hát vang bài *Quốc tế ca*. Năm ấy, anh mới 17 tuổi.

M

MẠC ĐÌNH CHI

* Tên một con đường dài 0,2km nối từ đường 3 tháng 2 trong phường 4, gần tả ngạn suối Cam Ly.

* Mạc Đình Chi (1280 – 1350), người làng Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

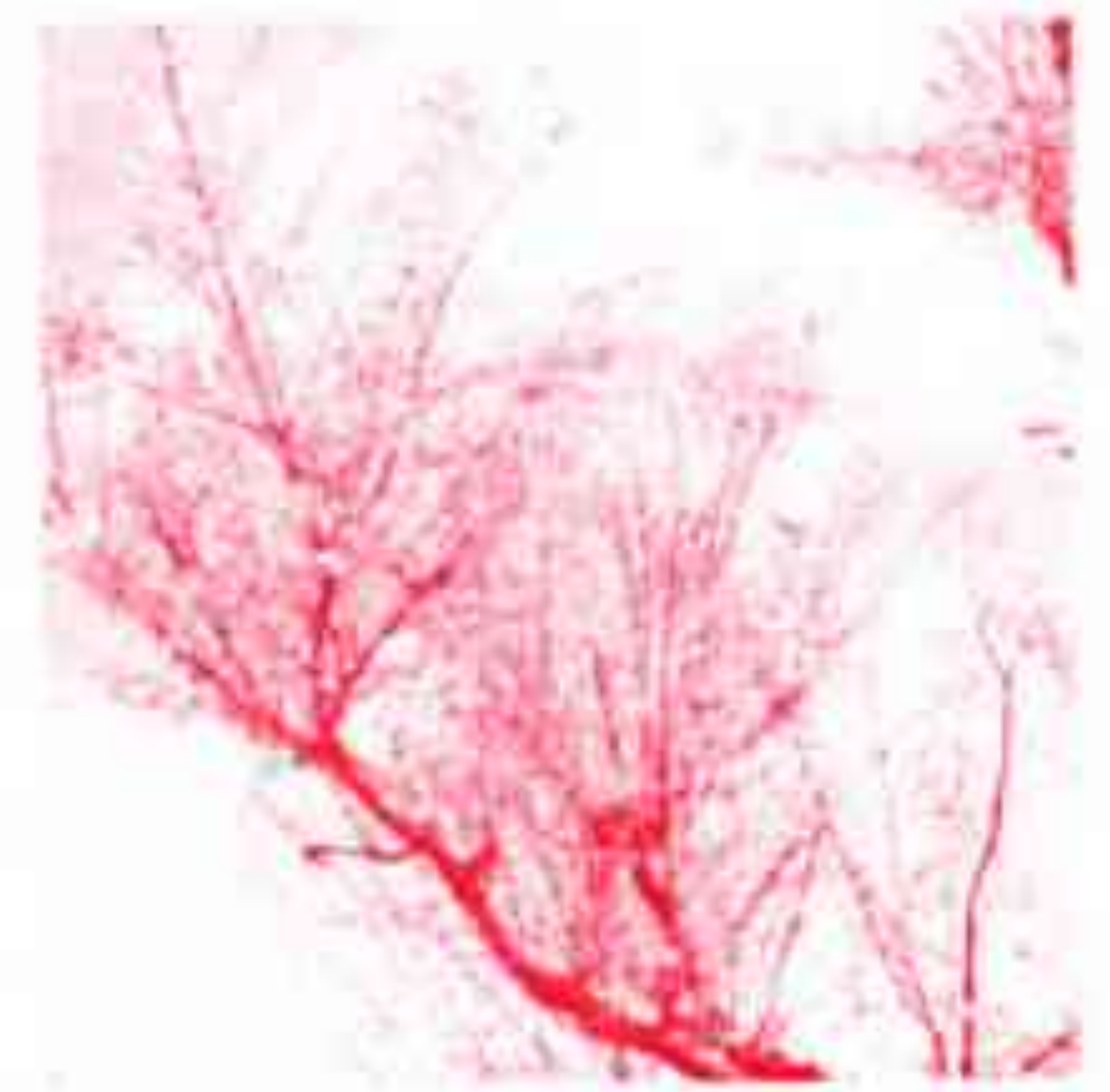
Tướng mạo ông thấp bé, xấu xí, nhưng ông lại rất thông minh. Năm 1804, ông đỗ trạng nguyên. Thời Trần Hiến Tông, ông làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung rồi thăng Tả ty lang trung. Với tính thanh liêm, ông được sĩ phu trọng vọng, nhân dân kính mến.

Ông có tài ứng biến, được cử sang sứ triều Nguyên hai lần. Ông đối đáp trôi chảy, sáng tác thơ rất nhanh, ý tứ lại cao diệu, người

Nguyên rất khen ngợi, phục tài văn học của ông, vua Nguyên phê 4 chữ “Lưỡng quốc trạng nguyên”.

MAI ANH ĐÀO

Cây mai anh đào có tên khoa học lúc đầu là *Cersusus sp.* nhưng về sau đổi tên là *Prunus cerasoides* vì cây mai mai anh đào mang hình dáng cây đào, mặt thuộc chi *Prunus* nhưng có hoa đơn, 5 cánh giống như hoa mai thuộc chi *Cersusus*.



Hằng năm, vào cuối tháng 12 và tháng 1 dương lịch, trước Tết và thỉnh thoảng có năm vào dịp Tết, hoa mai anh đào nở rộ. Hoa màu hồng phai nở trong vòng nửa tháng rồi tàn. Cây ra lá xanh và trên cành có những chùm trái tím đỏ. Sau đó, cây trút lá và bước vào thời kỳ nghỉ đông.

Cây mai anh đào Đà Lạt khác anh đào Nhật Bản (Sakura tree).

TƯ LIỆU THAM KHẢO

Hoàng Xuân Hãn. *Lý Thường Kiệt*. Nxb Văn học, 1995.

Nguyễn Quảng Tuân. *Những cảnh chùa nổi tiếng*. Nxb Trẻ, 1994.

Trương Hữu Tuyên. *Kỹ thuật trồng hoa*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1979.

Chi đội em mang tên người anh hùng. Báo Thiếu niên tiến phong và báo Nhi đồng xuất bản, 1986.

Perrichon A., Duvernay J.M. *Fleurs, fruits, légumes*. Le livre de poche, Paris, 1969.

MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VỀ LAI TẠO GIỐNG LAN ĐỊA PHƯƠNG ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG

KS. NGUYỄN VĂN TỚI
Phòng Nông nghiệp & PTNT Đà Lạt

Trong các họ thực vật tồn tại trong tự nhiên, họ Lan (*Orchidaceae*) là một trong những họ thực vật phong phú về thành phần loài và các biến chủng tự nhiên. Kết quả khảo sát trước đây cho thấy rừng Đà Lạt - Lâm Đồng có trên 300 loài tự nhiên, phân bố trong khoảng hơn 25 chi. Có những loài tự nhiên đặc sắc được dùng làm nguồn gốc ban đầu cho những cây lan lai có giá trị hiện nay như các cây lan lai trong chi *Cymbidium*, *Vanda*, ...

Trong tự nhiên, việc lai xa giữa các cây khác loài, khác chi thường rất khó xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Để tạo ra một giống mới, đáp ứng cho nhu cầu trồng trọt, sưu tập và thưởng ngoạn ngày càng đa dạng của con người, biện pháp lai nhân tạo đã được áp dụng một cách phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó cây lan là một trong những đối tượng thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học cũng như của người trồng trọt và thưởng ngoạn. Với biện pháp lai nhân tạo, các giống mới xuất phát từ các cây lai khác loài, khác chi đã được hình thành và cho đến nay tập đoàn giống lan lai đã lên đến hàng trăm ngàn giống.

Họ Lan tại Đà Lạt - Lâm Đồng, có những loài tự nhiên mang nhiều đặc tính nổi trội, về hình thái thân lá, cấu trúc hoa, màu sắc, sự phân bố sắc tố trên cánh hoa, mùi hương đáp ứng được những nhu cầu về thưởng ngoạn của con người. Nhưng thông thường, những đặc tính ưu việt không tập trung vào một loài nào. Có những loài nổi bật về hình thái thân lá nhưng không đặc sắc về hoa: có loài màu sắc đẹp, mùi hương đặc trưng nhưng không thích hợp cho việc nuôi trồng với mục đích kinh tế như hoa không bền, không cắt cành được...

Với mong ước tạo ra những cây lan lai từ các cây tự nhiên của địa phương. Từ năm 1990, nhóm cán bộ kỹ thuật của thành phố Đà Lạt đã bắt đầu thực hiện các phép lan lai đầu tiên trên cơ sở chọn lọc những cây bố mẹ mang các đặc tính ưu việt, trong đó nhóm phong lan được chọn là các cây trong chi *Renanthera* và *Vanda*, đã đáp ứng phần nào các yêu cầu ngày càng đa dạng về mặt sưu tập, thưởng ngoạn và từng bước tạo những tiền đề cho việc khai thác kinh tế hoa lan cắt cành.

Qua khảo sát, các cây lan tự nhiên được chọn làm đối tượng thực hiện các phép lai ban đầu gồm: *Renanthera Evrardii* Guillaum.; *Renanthera Imschootiana* Rofle.; *Vanda denisoniana* Bens. et Rchb.f.; *Vanda Watsonii* Rofle.; *Vanda masperoe* Guill. Đây là các loài lan tự nhiên của Đà Lạt - Lâm Đồng, có vùng phân bố khá rộng (ngoại trừ cây lan *Vanda Watsonii*). Chúng đa dạng về màu sắc, hình thái thân lá và có loài có mùi thơm đặc trưng.

Theo Phân loại học thực vật - Quyển 2 - 1972 của Phạm Hoàng Hộ, các loài lan trên có các đặc điểm sau:

1. *Renanthera Evrardii* Guillaum. (Vũ nữ, Bò cạp tía): Phụ sinh, thân dài đến 1,5m, rễ dọc theo thân, to 6mm, lá dai, hẹp, màu lục đậm, chùy dày, dài 1m, lá hoa 2cm, hoa to, không thơm, phiến hoa vàng có rãnh nâu, môi 5 thùy, thùy đáy đứng, móng ngắn 2 phần khối, Đà Lạt.

2. *Renanthera Imschootiana* Rofle. (Huyết nhung tron): Dây phụ sinh, thân to 5mm, có rễ dài, thông, lá dài 5-11cm, rộng 1,5 cm, đầu có hai thùy không bằng nhau. Chùm tụ tán, hoa to 4cm, đỏ đậm, cánh hoa cạnh bằng nửa lá đài trên, vàng có đốm đỏ, môi chỗ có 3 củ và 2 sóng, móng 4mm. Đà Lạt - Lâm Đồng.

3. *Vanda masperoe* Guill. (Long châu): Phụ sinh, thân hình trụ, lá hình trụ nhọn. Chùm dài hơn lá, mang hoa ở phần chót, hoa trắng, môi to có thùy giữa có rìa sâu, Đà Lạt.

4. *Vanda Watsonii* Rofle. (Tóc tiên): Phụ sinh, lá dài 50cm, có rãnh. Trục phát hoa 30cm, hoa trắng, môi vàng ở đáy, thùy rìa lông, phiến hoa cáo-2cm, thon, móng ngắn như túi. Langbian.

5. *Vanda denisoniana* Bens. et Rchb.f. (Mỹ dung dạ hương): Phụ sinh, thân lớn có nhiều rễ chông. Lá xếp 2 dãy, cứng, đầu chia 2 thùy, nhọn, dài 15-30cm. Cụm hoa ở nách mang 4-6 hoa. Hoa lớn màu xanh vàng, đường kính 5 cm, màu vàng xanh xám. Cánh môi dài bằng đài, có 3 thùy, Đà Lạt - Lâm Đồng.

Trên cơ sở phân loại hình thái học và quy luật phổ biến trong các phép lai lan, các cặp lai được chọn như sau:

Cặp lai *Renanthera Eyrardii* Guillaum x *Renanthera Imschootiana* Rofle

Cặp lai *Vanda denisoniana* Bens. et Rchb.f. x *Vanda Watsoni* Rofle.

Cặp lai *Renanthera Eyrardii* Guillaum x *Vanda denisoniana* Bens. et Rchb.f.

Cặp lai *Vanda masperoe* Guill. x *Renanthera Eyrardii* Guillaum.

Ghi chú:

2 cặp lai đầu : Lai khác loài cùng chi

2 cặp lai sau: Lai khác loài, khác chi.

Cây đứng trước X : cây mẹ; Cây đứng sau X: cây bố.

I. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Chọn lọc trong quần thể cây bố mẹ khỏe mạnh, có sức sinh trưởng tốt, không sâu bệnh. Thực hiện chế độ chăm sóc riêng trong thời gia chuẩn bị ra hoa.

2. Khi cây ra hoa, thực hiện phương pháp thụ phấn nhân tạo: Lấy hạt phấn từ cây bố để thụ phấn cho cây mẹ vào thời điểm cây nở hoa được 1/3 so với số nụ trên cành. Chọn thụ phấn ở hoa thứ 2 hoặc thứ 3 trên cành tính từ hoa đầu tiên.

Hầu hết các loài lan trên đều có thời gian ra hoa đồng pha (trung tuần tháng 4) nên việc thu hoạch hạt phấn và thụ phấn khá thuận lợi. Riêng cây *Vanda masperoe* nở sớm hơn 2-3 tháng nên phải thu hạt phấn từ trước và bảo quản trong điều kiện lạnh 0°C trong thời gian chờ cây mẹ ra hoa.

Sau khi thụ phấn, theo dõi trong 24 giờ để xác định xem hoa có thực sự thụ tinh hay không. Nếu không thành công sẽ tiến hành thụ phấn nhắc lại. Khi hoa thụ tinh, cánh hoa sẽ trở nên sậm màu hơn, trục nhị nhụy phình to và sau 24 giờ cánh hoa sẽ bắt đầu héo dần. Đánh dấu để theo dõi quá trình hình thành và phát triển quả.

Mỗi phép lai thực hiện từ 3-5 quả để chọn lọc và hạn chế rủi ro trong quá trình chờ quả chín hoàn toàn.

3. Khi quả chín (thường từ 9-12 tháng sau khi thụ phấn), chọn thời điểm thu hoạch tốt nhất trước khi quả nứt tự nhiên. Xử lý vỏ và tiến hành gieo trong điều kiện vô trùng với môi trường Knudson C có bổ sung hormone. Sau khi gieo, bảo quả trong điều kiện tốt nhất để hạt nảy mầm. Khi hạt nảy mầm từ 30-40% số lượng hạt đã gieo (có thể quan sát bằng mắt thường), tiến hành đưa ra chỗ có ánh sáng để hạt hình thành diệp lục và phát triển thân lá hoàn chỉnh.

4. Thông thường trong 1 quả lan, nếu gieo thành công, sẽ thu được hàng trăm ngàn cây con. Do đó, khi hạt nảy mầm và hình thành thân lá phải tiến hành tách dần bằng phương pháp cấy chuyển 3-4 tháng/lần. Trong quá trình tách chiết, tiến hành chọn lọc những cây khỏe mạnh (nhằm hạn chế số lượng).

5. Khi cây đã phát triển ổn định thân lá và có bộ rễ hoàn chỉnh, đưa cây ra khỏi môi trường ống nghiệm, tiếp tục nuôi trong điều kiện tập trung và chọn lọc cũng như thay chậu hàng năm để cây phát triển tốt và thích nghi với điều kiện sống tự nhiên. Ổn định cây ở năm thứ 4 và chuẩn bị cho cây ra hoa.

Quá trình thụ phấn – gieo hạt – cấy chuyển – nuôi sau ống nghiệm – chuẩn bị cho cây ra hoa đối với 4 phép lai trên kéo dài 120 tháng. Năm 2001, số cây phát triển ổn định đầu tiên đã bắt đầu cho hoa đợt I.

Trong 4 phép lai trên, cặp lai 1,2,3 phát triển khá tốt. Cặp lai 4, hạt có tỉ lệ nảy mầm thấp và cây phát triển còi cọc, đã bị hư hại dần sau 3 năm nuôi trồng. Nguyên nhân của vấn đề này có thể là do lai khác loài, khác chi và việc giữ hạt phấn quá lâu nên hạt phấn không bảo đảm sức sống. Các phép lai còn lại có 2 cặp đã cho hoa với tỷ lệ đợt I là 5% trên số cây nuôi trồng hoàn chỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Qua thời gian thụ phấn gieo hạt, nuôi trồng và cho ra hoa, kết quả các phép lai trên thể hiện như sau:

1. Cặp lai *Renanthera Eyrardii* Guillaum x *Renanthera Imschootiana* Rofle

(Tên tạm gọi: *Renanthera* hybrid 1).

Thụ phấn 02 quả tháng 5/1990. Gieo trong ống nghiệm tháng 4/1991. Theo dõi, chọn lọc và nuôi trồng ngoài ống nghiệm năm 1994. Chọn lọc 200 cây để nuôi trồng ra hoa. Kết quả ra hoa đợt I năm 2001: 15 cây (tỷ lệ ra hoa 7.5%). Số cây cho 1 cành hoa: 6 (40%), số cây cho 2 cành hoa: 9 (60%). Số hoa tối thiểu trên cành: 8; số hoa tối đa trên cành 14. Cành ngắn nhất: 30 cm; cành dài nhất 70 cm.

Mô tả cây trưởng thành và cho hoa: Cây phụ sinh, đơn thân. Lá mọc cách, dọc theo hai bên thân, phiến lá cứng, dày 1-2mm, rộng 1,8 -2 cm, dài 12-15 cm, đầu chia làm 2 thùy bằng nhau. Rễ to, có đường kính 0,6-0,8 cm, mọc đối với bẹ lá. Cây ra hoa cao 25-30 cm, đường kính thân 0,8 - 0,9 cm. Cành hoa mọc từ nách bẹ lá, phân nhánh mạnh. Hoa có đường kính cánh dài 7-8 cm, đường kính cánh hoa 4-5 cm. 3 cánh dài có màu đỏ đậm với những đốm màu vàng rất nhạt nằm rải rác ở phần gốc; cánh dài rộng 1-1,2cm; cánh dài lưng cao 5-6 cm, cánh dài bên có hình muống, dài 3-4 cm. Cánh hoa rộng 6-7 mm, dài 3-4 cm, có màu vàng với những đốm lớn màu đỏ đậm. Cánh môi chia 3 thùy, thùy giữa hẹp và nhọn có màu đỏ sậm và vết sáng ở giữa; hai thùy bên ôm lấy trục nhị-nhụy, có màu đỏ sậm. Trục nhị – nhụy nhỏ theo dạng *Ren.Imschootiana*, 2 phần khối. Ra hoa tháng 4.



2/ Cặp lai *Renanthera Eyrardii* Guillaum X *Vanda denisoniana* Bens. et Rehb.f.

(tên tạm gọi Renantanda hybrid 1).

Thụ phấn 03 quả tháng 5/1990. Gieo trong ống nghiệm tháng 4/1991. Theo dõi, chọn lọc và nuôi trồng ngoài ống nghiệm năm 1993. Chọn lọc 300 cây để nuôi trồng ra hoa. Kết quả ra hoa đợt I năm 2001: 6 cây (tỷ lệ ra hoa 2%). Số cây cho 1 cành hoa: 6 (100%), số cây cho 2 cành hoa: 0 (0%). Số hoa tối thiểu trên cành: 4; số hoa tối đa trên cành 8. Cành ngắn nhất: 30 cm; cành dài nhất 55cm.

Mô tả cây trưởng thành và cho hoa: Cây phụ sinh, đơn thân. Lá mọc dày dọc theo hai bên thân, phiến lá mềm, rộng 2-2.5 cm, dài 30-40 cm, đầu chia làm 2 thùy không bằng nhau. Rễ thon nhỏ, dài, có đường kính thân 1-1,2cm. Cành hoa mọc từ nách bẹ lá, không nhân nhánh. Cánh đài và cánh hoa có kích thước tương



dương nhau, rộng 0,8 – 1.2 cm, dài 3-4 cm; Hoa có đường kính 6-8 cm, màu xanh vàng với những chấm nhỏ màu nâu đỏ, thưa ở gốc và dày ở phần chóp của cánh hoa và cánh đài. Cánh môi chia 3 thùy, thùy giữa rộng, có màu đỏ đậm ở chóp và vệt vàng sáng ở gốc; hai thùy bên ôm lấy trục màu đỏ son. Trục nhụy – nhị lõi theo dạng hoa Vanda, 2 phần khối. Ra hoa tháng 5.

III. KẾT LUẬN

Kết quả thu nhận được từ 2 cặp lai đã ra hoa cho thấy có thể chọn lọc từ nguồn gen lan tự nhiên của địa phương để lai tạo cho ra những chủng loại hoa mới, các cặp lai có thể sử dụng các loài cùng chi và khác chi. Các loài lan trong các chi *Dendrobium*, *Bulbophyllum*, *Paphiopedilum*, *Vanda*, *Vandopsis*, *Renanthera*, *Cymbidium*... có thể sử dụng để lai tạo cho ra những giống trồng trọt mới.

Quá trình lai tạo, nuôi trồng cho ra hoa đối với họ lan là khá dài (tùy theo chủng loài có thể trên dưới 120 tháng), cần phải tiếp tục thử nghiệm để rút ngắn giai đoạn nhằm nhanh chóng tạo ra các giống mới. Có thể áp dụng các giải pháp sau:

- Tổ chức gieo hạt xanh để rút ngắn thời gian sinh trưởng của trái.

- Áp dụng các biện pháp xử lý sinh học hoặc hoá học để rút ngắn quá trình nảy mầm.

- Chọn môi trường nuôi cấy thích hợp để rút ngắn quá trình sinh trưởng của cây trong ống nghiệm.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi trồng sau ống nghiệm tiên tiến để rút ngắn quá trình sinh trưởng đến khi ra hoa.

Các kết quả trên chỉ mới là những bước thử nghiệm đầu tiên, để có những cây hoa lai tạo đạt được các yêu cầu về mặt thẩm mỹ cũng như khai thác kinh tế, cần phải tiếp tục đầu tư vào những chương trình lai tạo giống mới, bên cạnh đó cũng cần quan tâm đến những chủng loài nhập nội để khai thác làm nguồn gen ban đầu.

Song song với những định hướng lai tạo giống mới, cần tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực nhân giống vô tính để gia tăng số lượng cây đạt các yêu cầu mong muốn và áp dụng các biện pháp đa bội để gia tăng kích thước hoa.

Điều kiện tự nhiên của Đà Lạt – Lâm Đồng cho phép chọn lọc được những chủng loài hoa lan tự nhiên đặc sắc, có thể sử dụng cho các chương trình lai tạo giống mới, đáp ứng cho nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường tiêu dùng hoa trong và ngoài nước, mở ra hướng phát triển cho ngành hoa của địa phương. Công tác chọn tạo giống mới chỉ có thể thực hiện được trong các cơ quan nghiên cứu khoa học của nhà nước, do đó cần có sự quan tâm và đầu tư thích đáng cho chương trình lai tạo giống mới. ■



Vườn thơ

HOA TƯ TƯỞNG

Nhân dịp Xuân về, Vườn thơ Hoa Tư tưởng xin trân trọng giới thiệu những vần thơ xuân của các tác giả là những vị cách mạng lão thành
Lâm Đồng - Đà Lạt

Mừng Xuân

Xuân thư thả lững lờ bước nhẹ
Hương xuân đưa về sẽ đường mây
Trời xuân về với cỏ cây
Hoa xuân bé nhỏ, bầy bầy nắng vàng
Khách xuân xông lướt dặm ngàn
Tuổi xuân đặc mệnh miền man tinh đời
Hoa xuân đua nở khắp nơi
Chợ xuân thơm ngọt hương trời thắm tươi
Yêu xuân lại nhớ đến Người
Nay thiếu những lời thơ Bác mừng xuân...

04.01.1998
Nguyễn Xuân Du
Thơ Nguyễn Xuân Du

Giữ đời xuân

Một đời vì nước vì dân
Lửa đạn gian nguy đã mấy lần
Buông thả ai kia say hương lạc
Kiên trung mình vẫn giữ lòng nhân
Tuổi già lớp trẻ đùm nhau bước
Bên Đảng lên dân chẳng ngại ngàn
Nước đã yên vui thì vẫn đó
Ta còn quyết chí giữ đời xuân.

Ngô Tú
Một thời một đời

Mừng xuân đất nước

Phát phối hồng, vàng năm cánh sao
Chào Xuân dân tộc sức đời dào
Xóm làng phấn chấn, tinh thần vững
Đất nước tung bừng, khí thế cao
Sinh thái cân bằng chim rợp phố
Môi trường trong sạch cá đầy ao
Mừng Xuân Tổ quốc thời hưng thịnh
Con cháu Hùng Vương đứng tự hào.

Phạm Thuần
Hương Xuân



Ngày về

Nhớ nhau gian khổ cũng về
 Cháo mồm lạt muối chẳng hề quên nhau
 Ngại gì gió lạnh đời cao
 Lúa rừng lại nhóm âm bao tâm trịnh.
 Ngọt bùi, cay đắng, tử sinh
 Ngân thông giữ dấu nghĩa tình mà thương.
 Ta về đảo nở ngát hương
 Nghe xuân giục bước rộn đường hành quân.
 Gặp nhau tay bắt mặt mừng
 Đầu dây pháo nổ mùa Xuân năm nào (*)
 Nắm tay quên bộn cao trào
 Trời xuân rợp bóng cờ đào đường hoa.
 Ngày về, ta bạn, bạn ta!

Mùa đông 1974
 Thu Lâm (Trần Ngọc Trác)
 Gió biển hương ngàn

(*) Xuân Mậu Thân 1968

Cắm hoa

Đóa hồng nhung tươi thắm
 Như nữ hoàng kiêu sa
 Bông hồng vàng xòe hoa
 Như sao vàng tung cánh
 Lo hoa hồng em cắm
 Rất trang nhã, dễ thương
 Theo phong cách quê hương
 Dịu dàng mà đậm thắm...
 Có hồn hoa bay bổng
 Tín hiệu báo ngày vui
 Quê em trong khách, quý người
 Hoa là biểu tượng... nụ cười giao lưu.

Trương Quỳnh
 Tổ quốc lớn vô cùng



THÔNG TIN VỀ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ II

NGUYỄN THIẾT GIÁP

Ngày 20, 21/12/2001, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ II. Dự đại hội có 250 khách mời và đại biểu đại diện cho hơn 10.000 cán bộ khoa học, kỹ thuật hoạt động trong các cơ quan chuyên môn, khoa học và các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đại hội được tiếp đón các đồng chí Phan Thiên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Hồ Uy Liêm, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam, Trần Văn Luận, Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng.

Đại hội đã tiến hành thảo luận dân chủ, đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ qua, xây dựng chương trình hành động cho nhiệm kỳ mới (2001-2005). Đại hội đã nhất trí khẳng định những cố gắng của Liên hiệp Hội trong xây dựng và phát triển tổ chức, tập hợp rộng rãi đội ngũ trí thức khoa học trên địa bàn tỉnh. Từ 5 hội thành viên ban đầu, đến nay Liên hiệp Hội đã có 26 tổ chức thành viên bao gồm 12 hội chuyên ngành, 9 đơn vị tập thể, 4 câu lạc bộ KHKT và 1 chi

hội trực thuộc. Liên hiệp Hội đã thực hiện được việc điều hòa phối hợp các tổ chức thành viên tham gia các hoạt động chính trị - xã hội và khoa học - công nghệ; thực hiện phổ biến kiến thức khoa học, tổ chức phát động quần chúng tiến quân vào KH&CN, triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới phục vụ sản xuất và đời sống; tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quỹ học bổng khuyến khích, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh người dân tộc ít người ở vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu vượt khó học giỏi. Những kết quả này tạo điều kiện để Liên hiệp Hội phấn đấu thực hiện chương trình hoạt động của nhiệm kỳ thứ hai với những yêu cầu mới ở tầm cao hơn.

Những ý kiến phát biểu của các đồng chí lãnh đạo tỉnh và Hội KHKT Việt Nam đã ghi nhận và biểu dương những kết quả hoạt động của

Liên hiệp Hội, đồng thời chỉ ra yêu cầu đối với tổ chức Liên hiệp Hội cần phát huy hơn nữa tiềm năng trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Đại hội vinh dự được đón nhận hức trưởng của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ trao tặng với hàng chữ "Đội ngũ trí thức khoa học Lâm Đồng đoàn kết, hợp tác, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Sau hai ngày làm việc tích cực, khẩn trương, Đại hội đã thông qua Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ I, chương trình hoạt động nhiệm kỳ II, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Liên hiệp Hội. Đại hội đã bầu Ban chấp hành nhiệm kỳ II gồm 23 thành viên (Phạm Văn Án, Phạm Văn Châu, Nguyễn Công Danh, Nguyễn Thiết Giáp, Nguyễn Bá Hy, Lê Văn Hiệp, Bùi Thanh Long, Nguyễn Đức Nam, Phạm Bá Phong, Nguyễn Mộng Sinh, Trần Danh Tài, Nguyễn Tuấn Tài, Lê Thị Tánh, Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Đình Thắng, Phạm Xuân Tùng, Hứa Văn Tuấn, Trương Trổ, Mai Xuân Trung, Phạm Quang Trung, Phạm Thị Bạch Yến, hai ủy viên Ban tuyên giáo và Ban dân vận sẽ được bổ sung sau). PGS-TS. Phạm Bá Phong được tín nhiệm bầu lại làm Chủ tịch Liên hiệp Hội. ■



VÀI NÉT VĂN HÓA ẨM THỰC CỦA NGƯỜI MẠ Ở LÂM ĐỒNG

TH.S LÊ HỒNG PHONG
 Trường Đại học Đà Lạt

Người Mạ là một dân tộc bản địa cư trú tập trung ở Lâm Đồng. Nghiên cứu văn hóa ẩm thực của người Mạ nhằm góp phần tìm hiểu thêm về lĩnh vực văn hóa tộc người, về Lâm Đồng và Tây Nguyên.

Văn học dân gian là một loại hình nguyên hợp, nó hàm chứa những thành tố văn hóa khác nhau làm nên giá trị văn hóa bên cạnh giá trị văn học; là văn hóa nhưng nó lại lưu giữ những dấu vết văn hóa khác..

1. Về nguồn gốc thức ăn, thức uống

Trong kho tàng truyện kể của người Mạ có những truyện mang tính chất huyền thoại về nguồn gốc sự vật, trong đó dân gian đã giải thích nguồn gốc lương thực, thực phẩm: lúa, bắp, sắn, ớt; muối, sắt, cá; nguồn gốc rượu cần.... Có huyền thoại đã cho biết mẹ Ka Grup (hoặc Ka Rup) lấy chồng Kon Chau (con Người), đẻ ba chàng trai, ba chàng trai nói sau này sẽ có muối, sắt, cá... Những người khác cho đó là chuyện lạ, đã nghi ngờ ba người là malai. Họ phải chết và họ đã chết ở những miền khác nhau, hóa thân thành ba vật lạ cần thiết cho cư dân sau đó là muối, sắt, cá. Cả ba thứ được tổ tiên hóa thân sáng tạo ấy đều liên quan thiết yếu đến con người. Hoặc một huyền thoại khác cho biết mẹ Ka Grau đã ngủ mơ thấy ông già bỏ vào tay hạt giống lạ, tình dậy có hạt giống, gieo xuống đất thì mọc lên lúa, bắp, cà, ớt. Đó là truyện về nguồn gốc lương thực, thực phẩm, gia vị.

2. Cái ăn, cái đói và giấc mơ no đủ

Trong truyện kể dân gian, các

hành động kinh tế chiếm đoạt xảy ra trong rừng, trên rẫy, dưới suối nhằm săn, bắt, hái, lượm. Phương thức kinh tế chiếm đoạt còn để lại dấu vết trong truyện kể dân gian Mạ. Nhân vật đi săn nai, khỉ, dơi; đi bắt cá, đi thuốc cá dưới suối bằng vỏ cây, đi đặt pà-m (đó) dơi cá; đi hái dọt mây, hái dọt bí, chặt măng, đào củ mài; đi hái dưa, dứa, đu đủ... Tên nhiều nhân vật và hình dáng nhân vật cũng phản ánh nét ẩm thực truyền thống của cư dân "ăn rừng": nàng Dừa, chàng Dừa, chàng Xoài, chàng Đu đủ, chàng Tôm, chàng Cóc, nàng Chuối...

Trong truyện kể dân gian Mạ có nói đến cái đói, cái sự thiếu ăn, thiếu lúa gạo, nhất là khi kể về cảnh ngộ của nhân vật mồ côi. Cái đói được giải thích là sau khi có hạt lúa thần trời hoặc thần cho, hạt to hay hạt nhỏ nhưng nấu thì nở ra nhiều cơm, mỗi lần chỉ cần nấu bảy hạt gạo. Cháu nhỏ không nghe lời bà dặn, hoặc nghe lời xui bậy của ma quỷ nên nấu quá nhiều gạo, từ đó hạt lúa nhỏ lại, hạt gạo không nở to, người dân bị đói, phải làm nhiều mà không đủ ăn. Cũng có khi, do xung đột, người ngoài lấy mất cái nắp chóc gạo, gạo đi mất. Cùng với việc làm ra cái ăn là làm ra thức uống, nhất là rượu cần. Truyện kể dân gian cũng cho rằng việc làm và uống rượu cần là do nhím bày cho người!

Truyện kể dân gian cũng đề cập đến giấc mơ ẩm thực. Nhân vật K'Bâu đói khát và vừa ngủ vừa nói về cái đói ăn, đói nước uống, đói thuốc hút. Nàng Ngà bày cho nó thò tay vào cái ngà voi mà lấy. Tỉnh dậy, thò tay vào ngà thì có ngay cái mà nó vừa muốn trong giấc ngủ.

Giấc mơ no đủ còn thể hiện qua

motif quả bầu thiêng. Quả bầu các dân tộc Đông Nam Á có thể là quả bầu mẹ nở ra người, quả bầu con do người đẻ ra, hoặc quả bầu thuyền giúp người tránh đại hồng thủy. Trong truyện kể dân gian Mạ, rất phổ biến motif quả bầu - của cải. Từ quả bầu thần cho, hay từ quả bầu do mình trồng đã nở ra lúa, hoặc nở ra lúa và đồ dùng. Nhân vật đã trở nên no đủ, thậm chí giàu có làm cho bon làng no đủ và giàu theo. Có khi, dân gian thay motif quả bầu thiêng bằng motif cái chiêng thần hoặc cây gươm thần. Phần nhiều, khi phát rẫy, nhân vật phát xong thì cây lại bị khỉ, vượn làm cho sống lại, rình bắt được con đầu đàn, nó phải đền cho cái chiêng muốn gì được nấy. Có khi con ma rừng đền cho dũng sĩ Tis Toli cái gươm thần. Vai trò của chiêng, gươm... cơ bản như nhau. Từ vật báu ấy, nhân vật ước ba dây nhà trên, ba dây nhà dưới, dây lớn nhất của mình ở giữa, ước dòng nước để ăn uống, ước lương thực, thực phẩm, vật nuôi... và ước ra con người, binh lính đông đúc. Làng bon mới ấy giàu có có thể do nhân vật cai quản hoặc giao lại cho cậu rồi đi về trời... Ở đây không chú ý bàn về kết thúc có hậu hay vai trò nghệ thuật của yếu tố thần kỳ mà chỉ nhấn mạnh giá trị văn hóa trong văn học. Truyện cổ là một loại hình văn hóa dân gian lại ẩn chứa các giá trị văn hóa khác. Nó đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề ẩm thực, giấc mơ no đủ hoặc giàu có của cư dân. Họ không mơ những cái viển vông, xa xỉ mà chỉ mơ những cái cốt yếu cho cuộc sống con người, đó là ẩm thực, sau đó là trang phục, nhà cửa, dụng cụ sản xuất, binh khí... Giấc mơ trong văn chương

liên quan đến khát vọng đời thường, giấc mơ và sự sáng tạo văn chương phản ánh hiện thực cuộc sống có thật của cư dân, xuất phát từ cái đói, cái rét, cái gian khổ có thật. Có thể nói đến một giấc mơ ẩm thực của cộng đồng qua truyện kể dân gian.

3. Motif ăn năm uống tháng, lễ ăn trâu

Người ta cũng hay nhắc tới việc đám cưới ăn bảy trâu, bảy bò, bảy heo, bảy dê, bảy gà, bảy vịt, uống bảy chén rượu cần trong thời gian bảy ngày, bảy đêm... Số bảy là số lớn, không nhất thiết phải hoàn toàn chính xác. Số lượng bảy chén rượu cưới hoặc bảy chén, bảy miếng làm quà tặng hoặc nộp phạt cũng thể hiện tầm quan trọng của rượu cần trong đời sống văn hóa tộc người. Văn hóa ẩm thực, nhu cầu ẩm thực chi phối sáng tạo văn chương, không chỉ nói lên sự no đủ hay giàu có, mà còn thể hiện sự cộng cảm trong hầu không khí sinh hoạt chung của cộng đồng ngay cả trong vấn đề ăn uống những lễ vật có tính chất lương thực, thực phẩm kia.

Trâu bò, heo dê hay gà vịt không đơn thuần là vật nuôi để ăn thịt, nhất là trâu. Trâu không hề là sức kéo hay nguồn hữu cơ bón ruộng, rẫy. Trâu là vật ngang giá - một loại tiền tệ trao đổi truyền thống, một vật để định tội trong khi xử phán theo luật tục, nhưng quan trọng nhất, trâu là vật hiến sinh. Nó có đủ tư cách nối liền tình cảm con người với thần linh, người ta dâng nó lên các Yàng, chứ không phải làm thịt trâu thông thường. Phải chuẩn bị công phu cho cái cọc buộc trâu, cái nhà cúng, các hoa văn trang trí, phải nhảy múa, đánh chiêng và làm động tác đâm trâu cúng thần. Từ xa xưa, các thần như K'Đu, K'Đông đã dùng lưng trâu, sừng trâu... làm "vật liệu" chế tác trời, trăng, sao... Phải chăng niềm tin huyền thoại ấy trong tín ngưỡng đã chi phối thực tiễn nghi lễ đâm trâu cúng Yàng? Chính vì tính chất trang trọng và linh thiêng, vật hiến

sinh hàng đầu cho nhiều lễ trọng trong đời người, trong sinh hoạt tinh thần của các cộng đồng Mạ và Tây Nguyên nói chung. *Nhô sa rpu* theo nghĩa gốc là *uống ăn trâu*, chúng ta quen dịch là *Lễ đâm trâu*. Nhưng *đâm trâu* chỉ là một thao tác trong toàn bộ hệ thống hành động lễ, có lẽ nên dịch là *Lễ ăn trâu*. Sử thi Tây Nguyên đã nói tới việc ăn năm, uống tháng là phản ánh phần nào tính chất liên tục, quy mô lớn của những dịp lễ hội ẩm thực liên quan đến tín ngưỡng đa thần nguyên thủy của cư dân Tây Nguyên thời chưa xa xôi lắm. Truyện kể dân gian Mạ cũng nói đến ẩm thực ở quy mô nhỏ hơn sử thi, theo ngôn ngữ riêng của thể loại, nhưng hầu như truyện nào cũng có liên quan đến vấn đề ăn uống ở mức độ này hay khác.

4. Ẩm thực trong văn vần dân gian Mạ

Bài nří (ndrí) xuất hiện trong lễ cúng cùng với lễ vật dâng thần linh, có mục đích mời gọi thần linh về chứng giám tâm lòng thành của cư dân, về hưởng thụ thức cúng, để phù trợ cho cộng đồng:

Khui *rượu cần* tôi mời nếm thử,

Rượu cần ngon tôi mời thần uống,

Hương nhựa trám tôi mời thần đến.

Cũng có bài nří có tính chất luật tục, được người già sử dụng xét xử. Để luật tục có sức mạnh, bài ca nhắc đến các tổ tiên thần thánh xưa kia, với các hành động có tính huyền thoại liên quan đến nhiều mặt của đời sống cộng đồng. Người ta liệt kê tên tuổi nhiều vị thần linh - tổ tiên để biết ơn, để noi theo và nhắc con cháu nói theo:

K'Yút đã dạy *giết trâu*,

NĐu chỉ cách dựng *hòn làng*,

K'Tiêng, K'Tàng chỉ cách *đeo cối, bào chà* *giã gạo*.

Ngay trong khi kể về tổ tiên - thần thánh, dân gian vẫn đề cập đến một số từ ngữ thuộc lĩnh vực văn hóa ẩm thực.

Loại nří tình cảm lại vẫn ít nhiều đề cập đến ẩm thực, ca ngợi vẻ đẹp người con gái trẻ, cái đẹp hiện ra trong mắt chàng trai, dân gian đã so sánh con người với động, thực vật ở rừng:

Cô kia đẹp như *lá hành* nghiêng,
Anh sóc bắt gặp.

Cô kia trắng anh *rái cá* bắt gặp.

Cô kia đẹp *phượng hoàng* bắt gặp.

Gái mới lớn *heo rừng* *dâm cây*...

Trong môi trường rừng, trong phương thức kinh tế "ăn rừng", dân gian Mạ ví vẻ đẹp con gái với cây quả của rừng:

Thân con gái như thân *rau rịa*,

Tay con gái như *mãng* mới mọc,

Thân con gái *chuối* chín trên cây...

Xin được giới thiệu một bài tục ngữ Mạ để cung cấp thêm một loạt hình ảnh các cây, trái, vật nuôi, vật rừng có liên quan đến văn hóa ẩm thực truyền thống của cư dân Mạ:

Rau hái *rau* lơ-ạ,

Nước múc *suối* Bring,

Ching đánh ching Bro,

Sóc hấn *sóc* già,

Cua bắt *cua* béo,

Bắt *phượng hoàng* hạc,

Cá bắt *cá* trắng,

Rượu uống *ché* đen,

Rẫy *phát* rừng già,

Bẻ *cây* *mia* lớn,

Thổi *kèn* sừng *trâu*,

Ăn *con* *dê* cái,

Chỉ một bài văn vần Mạ mà đã nhắc tới rất nhiều thứ liên quan tới văn hóa ẩm thực cho thấy có hai vấn đề xưa cũ nhưng còn đúng: một là, văn chương nào cũng phản ánh hiện thực - hiện thực cuộc sống cư dân Mạ gắn bó với tự nhiên; hai là, văn học dân gian chỉ là một lĩnh vực văn hóa thuộc folklore nhưng lại hàm chứa các giá trị văn hóa khác, trong đó có văn hóa ẩm thực.

(Xem tiếp trang 26)

KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH TRE KINH DOANH MĂNG

(Tiếp theo)

KS. TRẦN TRÍ

Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng

IV. PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH

1. Chăm sóc

Mỗi năm rừng trồng được chăm sóc 3 lần vào đầu, giữa và cuối mùa mưa bằng phương tiện cơ giới như máy cày, máy kéo có gắn dàn phát cỏ. Khi tre trồng được hai năm trở đi phải chặt tỉa bỏ những cành ở tầm cao 2,5 m trở xuống và chặt bỏ những chồi khí sinh, sinh ra sau khi khai thác măng, dọn vệ sinh bụi tre chống sâu bệnh.

Chú ý: Tuyệt đối không được làm tổn thương đến cây măng hiện có dù là vết nhỏ, nếu không sẽ làm cho măng bị hư và thối.

Hàng năm, vào trước mùa mưa nên làm cỏ và xới đất xung quanh bụi tre cho tơi xốp và bón phân, nhằm giúp cho cây sinh trưởng được thuận lợi hơn.

- Bón phân: Đối với rừng tre sau hai tháng trồng nên bón phân tổng hợp NPK, với số lượng 200 kg/ha, tổng số lượng phân trên được chia bón làm nhiều đợt, mỗi lần bón từ 100-200 g/hố, bón cách xa gốc trồng từ 15-20 cm, đào rãnh xung quanh gốc, rải phân xuống rồi lấp đất lại.

- Rừng tre từ năm thứ hai trở đi, lượng phân bón cần từ 200-300 kg/ha. Nên bắt đầu bón phân trước mùa mưa 1 tháng (khoảng tháng tư). Mỗi gốc bón từ 300-500 g/gốc/lần/tháng. Nếu có phân hữu cơ thì bổ sung cùng với NPK và giảm lượng bón phân NPK đi, phân NPK dùng bón cho rừng tre có tỷ lệ 2/1/1 là thích hợp.

- Ngoài ra mỗi năm cần phải

bổ sung một lượng phân bón có nguồn gốc hữu cơ khác như: phân chuồng, phân rác, số lượng 5-7 tấn/ha/năm hoặc phân hữu cơ vi sinh như phân Komix, Sông Gianh, Bình Điền nhằm tăng độ xốp và độ phì cho đất, dùng bẹ măng sau khi đã lấy thân măng rải vào giữa những hàng tre sau một thời gian phân hủy tạo mùn cho đất, năng suất măng sẽ cao hơn.

- Vun gốc - tủ cỏ: Sau khi trồng 2 năm, mỗi năm cần vun gốc - tủ cỏ (đào đất xung quanh hoặc vun rồi dùng rơm rạ, lá mía hoặc cỏ khô tủ trên gốc của bụi tre để giữ ẩm, tủ dày từ 5-8 cm). Với kỹ thuật vun gốc làm đất tơi xốp, tủ cỏ tốt măng sẽ cho màu trắng, ít xơ, vị ngọt. Sau khi thu hoạch măng, vào thời kỳ bón phân lại cào đất ra tránh tình trạng nâng bụi, sẽ ảnh hưởng đến chất lượng rừng cây.

2. Sâu bệnh hại và biện pháp phòng trừ

Cây tre Tàu có thể bị một số sâu bệnh hại, chính vì thế các vườn trồng tre kinh doanh măng phải được chăm sóc tốt, vệ sinh vườn cây thường xuyên là kỹ thuật căn bản để phòng ngừa sâu bệnh. Nói chung, các loài tre ít khi bị bệnh tấn công và thiệt hại không đáng kể, tuy nhiên vườn tre có thể bị một số sâu bệnh hại sau:

a. Bệnh khô héo do vi khuẩn: Măng bị nhiễm bệnh có những lá vấy bên ngoài mang những vòng đồng tâm, làm cho cây héo từ đợt trở xuống rồi chết, những vi khuẩn

này hoạt động giảm dần từ độ sâu 10 cm trở xuống. Do vậy khi cây bị bệnh ta vun đất cao hơn rồi kết hợp xịt thuốc.

b. Bệnh vàng sọc: Phiến lá bị bệnh có những sọc vàng xanh xen kẽ nhau, trên lá vấy và thịt măng có hiện ra những sọc màu nâu đen, măng hóa gỗ không sử dụng được, cây mẹ ốm yếu.

Cách phòng trị: Đào bỏ và thiêu hủy những cây bị bệnh, rắc vôi bột, khử trùng dụng cụ sạch sẽ trước khi tiến hành làm cây khác.

c. Bệnh rỉ sắt: Xuất hiện ở lá, làm lá cây rụng sớm, bệnh thường xảy ra khi trời nắng nóng kéo dài rồi ẩm ướt, cây trồng quá yếu.

Cách phòng trừ: Cắt bỏ cây bị bệnh, thoát nước tạo điều kiện cho cây phát triển tốt, vun gốc làm xốp đất kết hợp bón phân mạnh để tre phát triển.

d. Sâu hại:

+ Bọ hung: Sâu non xuất hiện vào tháng 4-10 (con mẹ dùng miệng đục lỗ qua lá vấy của măng và đẻ trứng, sau 4-5 ngày ấu trùng đục vào thịt măng làm măng héo và chết). Phòng trị bằng cách tìm giết sâu non, chặt bỏ và thiêu hủy mụn măng bị hại.

+ Sâu cuốn lá: tháng 5-10 bươm đẻ trứng, sâu con nở, nhả tơ cuốn lá và ăn lá rồi hóa thành nhộng ngay trong phiến lá. Cách phòng trừ, cắt bỏ và thiêu hủy lá bị cuốn, dùng đèn để bẫy bắt bươm.

+ Ruồi xanh: Đẻ trứng ở mặt dưới lá non, thành trùng hút diệp

lục tổ của lá làm lá có những ổ trắng, ảnh hưởng đến sự quang hợp của lá, đồng thời dẫn đến bệnh rỉ sắt.

V. HIỆN TƯỢNG TRE TRỞ HOA

Tuy là cây sống nhiều năm, sinh sản theo cách vô tính, tre trúc nói chung thỉnh thoảng có hiện tượng ra hoa lẻ tẻ hoặc đồng loạt, thường những cây mọc từ thân ngầm của những cây này cũng ra hoa, những cây này sẽ chết đi trong vòng vài ba năm, đặc biệt có những cây không chết. Hiện nay còn có nhiều thuyết khác nhau được đưa ra để nói về hiện tượng tre trúc ra hoa và chết:

- Thuyết về tính chu kỳ: Có những loài cứ 60-100 năm lại ra hoa một lần, thường những loài có hạt thì phát triển tốt ra hoa nhiều hơn loài có hạt xấu kém.

- Thuyết sinh trưởng: Quan sát thấy tỷ số cacbon/nitơ ở những cây ít ra hoa cao hơn ở những cây ra hoa.

- Thuyết dòng giống cá thể: Khi một hệ thống thân ngầm bước vào thời kỳ ra hoa thì tất cả những cây phát triển từ thân ngầm thuộc hệ thống đó cũng ra hoa và cùng một thời kỳ.

- Phương pháp xử lý khi rừng tre ra hoa:

* Phải chặt bỏ những cây đã ra hoa (chừa lại những cây không ra hoa).

Diệt trừ những cây xâm lấn và rải mùn phủ đều.

Tăng lượng phân bón.

Luôn để lại những cây khỏe mạnh, chặt bỏ những cây yếu, bệnh.

* Trồng dặm những cây tre tốt vào những chỗ đã loại bỏ những cây ra hoa sau khi đã xử lý tốt (nên bứng bỏ cả thân ngầm những cây đã ra hoa).

VI. KHAI THÁC MĂNG VÀ THÂN TRE

1. Khai thác măng

Trong một năm có 2 đợt (2 vụ) khai thác măng bằng phương pháp chặt trắng, có chừa cây giống (vụ 1: vào tháng 8, 9) và không để chừa cây giống (vụ 2: vào tháng 10, 11). Chọn cây măng tốt sinh ra trong vụ 1 để nuôi dưỡng thành cây tre thay thế những cây già phải chặt đi hàng năm, chọn những cây to khỏe mọc ở ngoài, có thân ngầm mọc dưới mặt đất. Khi khai thác măng, nhất là măng tre Lục Trúc thì chỉ khai thác lúc măng vừa nhú lên ngang mặt đất, dùng dụng cụ moi đất xung quanh tới tận gốc măng, dùng thuổng xắn ngay nơi mập nhất, rồi lấp đất lại, chú ý không được cắt phạm vào thân ngầm. Nếu thân ngầm mọc chồi lên mặt đất thì phải đào bỏ đi để tránh hiện tượng nâng bụi tre, nếu cần để lại ta phải vun đất kín 2/3 thân ngầm, không vun cao. Còn khai thác măng tre Tàu thì tùy từng yêu cầu mà khai thác măng củ hoặc măng ống, có qua chế biến hoặc để cả bẹ mo.

Tùy theo thị hiếu của người tiêu dùng mà măng sẽ được khai thác ở các chiều cao khác nhau, nhưng thường có 3 loại: Măng nanh có chiều cao khai thác thấp hơn 25 cm, măng củ có chiều cao khai thác từ 25-50 cm, măng ống cao khai thác từ 50-100 cm.

2. Khai thác tre

Trồng tre Tàu kinh doanh măng, thông thường mỗi bụi tre chỉ duy trì từ 6-7 cây tre và số tre này luôn luôn có cây 2 năm tuổi, cây 1 năm tuổi và cây mới sinh ra trong đầu vụ (vụ 1). Mỗi loại như vậy chiếm 33,33%, hay nói cách khác là mỗi loại 2 cây, trong đó 2 cây tre thuộc thế hệ ông bà, 2 cây thuộc thế hệ cha mẹ, 2 cây thuộc thế hệ con cháu. Mỗi khi ông bà qua đời (khai thác) tất nhiên phải có 2 tre cháu để thay thế.

Mỗi năm vào mùa khô (tháng 2) tiến hành khai thác tre, tỷ lệ

lấy ra là 33,33% tương ứng với 2 cây tre già nhất trong bụi. Sau khi khai thác tre phải đào hay đục bỏ luôn gốc của cây đã chặt kể cả những gốc cũ không còn khả năng sinh măng.

3. Chế biến măng

Có thể bán măng củ tươi ngoài chợ hoặc bán cho các nhà máy chế biến thực phẩm, phơi khô hay thu hoạch măng ống, măng chồi, luộc, muối, đóng vào bịch ny lông chịu nhiệt bán tại các siêu thị hoặc xuất khẩu.

Cách muối măng để đóng hộp: Măng thu hoạch về cắt phần non. Hoặc măng ống thì cắt khoanh ở các đoạn non gần các mắt dài khoảng 3-5 cm từ mắt, cho vào nồi luộc sôi khoảng 10-20 phút, vớt ra nhúng vào nước lạnh rồi cho vào nước muối hoặc rắc muối. Tùy từng yêu cầu của xuất khẩu để xử lý. Mỗi 1kg măng cần khoảng 300 g muối (muốn giữ màu cho măng thì thêm axit citric).

VII. NĂNG SUẤT VÀ HIỆU QUẢ

Ngày nay cây tre Tàu được chọn trồng trong các trang trại hay ở vườn hộ gia đình, để kinh doanh măng với mục đích sản xuất hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Nếu trồng rừng theo phương thức thâm canh, áp dụng các yêu cầu kỹ thuật đã được hướng dẫn, rừng sẽ cho năng suất măng cao và ổn định, tùy theo đất tốt hay xấu rừng tre sẽ cho từ 10-15 tấn/măng/ha/năm, nếu được đầu tư thỏa đáng rừng tre năng suất còn cao hơn nữa và chất lượng măng tốt.

Tre Tàu là cây dễ trồng, mau thu sản phẩm, trồng một lần cho thu hoạch nhiều lần, cây có khả năng tạo ra sinh khối nhanh, giữ được đất chống xói mòn, thích hợp cho đa số nông dân nghèo, cần được khuyến khích trồng. ■

PHÒNG TRỊ BỆNH CHO CÁ VÀO CÁC THỜI ĐIỂM GIAO MÙA TẠI LÂM ĐỒNG

KS. NGUYỄN VIỆT THÙY
Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng

Bệnh cá là do tác động tương hỗ của 3 nhân tố gây bệnh: sự có mặt của mầm bệnh, sức khỏe của cá và điều kiện môi trường. Khi xuất hiện mầm bệnh, sức khỏe của cá yếu, môi trường thay đổi bất lợi dẫn đến cá bị bệnh.

Theo dõi những năm qua trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bệnh cá thường xuất hiện nhiều nhất vào các thời điểm giao mùa: mùa mưa chuyển sang mùa khô (tháng 10-11), mùa khô chuyển sang mùa mưa (tháng 4-5) hàng năm. Đây là thời điểm môi trường có nhiều biến đổi thất thường, nếu cá không được chăm sóc tốt sẽ dễ mắc bệnh.

Để hạn chế sự xuất hiện của bệnh cũng như tác hại do bệnh cá gây ra, bà con nông dân cần làm tốt một số biện pháp sau:

1. Cải tạo và cải thiện môi trường nuôi cá: Sau mỗi vụ thu hoạch cá, trước khi thả nuôi vụ mới cần tháo cạn ao, vét bùn ao chỉ để lại lớp bùn dày khoảng 20-25 cm; phơi khô đáy ao, dùng vôi nung tẩy trùng cho ao với liều lượng 7-10 kg vôi/100 m² đáy ao. Trong quá trình "nuôi nước" phải luôn giữ sạch bằng cách thay tháo thường xuyên 2-3 lần/tuần, mỗi lần thay 1/2-1/3 lượng nước trong ao. Định kỳ 15 ngày 1 lần bón vôi nung vào ao giúp cho ổn định môi trường nước, liều lượng bón 1,5-2 kg/100 m³ nước ao.

2. Hạn chế sự phát triển của mầm bệnh trên cá và trong ao nuôi cá: Đối với cá giống trước lúc thả nuôi phải được tắm qua bằng nước muối ăn (NaCl), nồng độ 2-3% trong vòng 10-30 phút. Thức ăn cho cá không được ôi thiu, lên mốc. Đối với thức ăn xanh không được hư thối; phân chuồng bón cho ao phải được ủ hoai, thường xuyên treo túi vôi vào các vị trí thường cho cá ăn để sát trùng.

3. Tăng cường sức đề kháng cho cá: Chú ý kiểm tra cá giống trước khi thả nuôi. Cá giống phải không có dấu hiệu bệnh lý; là giống thuần chủng, đúng quy cỡ, không sây sát. Mật độ thả nuôi đúng kỹ thuật, trong điều kiện đầu tư vừa phải chỉ nên nuôi từ 1-3 con/m². Thức ăn cung cấp cho cá phải đủ chất, đủ lượng đảm bảo cho cá sinh trưởng và

phát triển tốt, quản lý chăm sóc cá theo đúng quy trình.

Sau đây là một số bệnh cá nguy hiểm thường gặp trên địa bàn Lâm Đồng và biện pháp phòng trị:

*** Bệnh xuất huyết do virus ở cá trắm cỏ**

+ Triệu chứng bệnh lý: cá kém ăn hoặc bỏ ăn, da đổi màu tối sẫm, khô ráp, gộc vảy, vảy, nắp mang, xoang mang, xoang miệng xuất huyết, mắt lồi xuất huyết, thịt cá có đốm đỏ xuất huyết hoặc xuất huyết toàn phần, cơ quan nội tạng xuất huyết nhưng không hoại tử, dấu hiệu bệnh lý chưa thể hiện rõ.

+ Mùa vụ xuất hiện tại Lâm Đồng: bệnh xuất hiện quanh năm, nhiều nhất là vào các thời điểm giao mùa. Cá bị bệnh sau 3-5 ngày có thể chết, tỷ lệ chết cao (60-80%), có khi 100%. Mức độ nghiêm trọng thường ở vào giai đoạn cá giống cỡ 6-20 cm, đặc biệt là cá giống cỡ 15-20 cm (0,3-0,4 kg/con).

+ Phòng trị bệnh: với bệnh này hiện nay việc chữa trị ít hiệu quả, chỉ chú trọng áp dụng các biện pháp phòng là chính. Để phòng bệnh cho cá cần làm một số biện pháp sau: định kỳ bón vôi vào ao 15 ngày 1 lần, mỗi lần bón 1,5-2 kg/100 m³ nước, đặc biệt chú trọng bón vào mùa mưa. Bổ sung thêm vitamin vào thức ăn của cá để tăng sức đề kháng với liều lượng 30 mg/1 kg cá/ ngày vào mùa xuất hiện bệnh. Định kỳ 45 ngày cho ăn thuốc KN-04-12 để phòng bệnh: liều lượng cho ăn: 200 g thuốc/100 kg cá/ngày, cho ăn 3 ngày liên tục.

*** Bệnh đốm đỏ do vi khuẩn ở cá nước ngọt**

+ Triệu chứng bệnh lý: cá kém ăn hoặc bỏ ăn, cá mất nhớt khô ráp, có các đốm đỏ lở loét trên thân, vảy xuất huyết rách nát rụng dần, mang xuất huyết dính bùn, mắt có thể xuất huyết hoặc bị mù, hậu môn viêm đỏ, nội tạng xuất huyết, cơ thể chứa đầy hơi, nhiều chỗ bị hoại tử thối nát.

+ Đối tượng và mùa vụ xuất hiện: xuất hiện ở hầu hết các đối tượng cá nuôi nước ngọt, đặc biệt là trắm cỏ, trê lai, cá mè Vinh... Bệnh gây hại ở tất cả các giai đoạn từ cá giống đến cá trưởng thành, khi nhiễm bệnh chỉ 3-5 ngày là cá chết (từ 60-80%).

Bệnh gây chết nhiều nhất ở giai đoạn cá lờ (0,3-0,4 kg/con). Bệnh xuất hiện nhiều nhất là vào các thời điểm giao mùa và mùa mưa.

+ Phòng và trị bệnh: phòng bệnh nên áp dụng các biện pháp như đối với bệnh xuất huyết do virus ở cá trắm cỏ. Để chữa bệnh dùng thuốc KN-04-12, cho ăn với liều lượng 200 g thuốc/100 kg cá/ngày, cho ăn 6-7 ngày liên tục kết hợp với việc bón vôi vào ao nuôi với liều lượng 1,5-2 kg/100 m³ nước.

*** Bệnh trùng bánh xe**

+ Triệu chứng bệnh lý: thân có nhiều nhớt trắng đục, mang sưng to (kênh mang), cá ngứa ngáy bơi lội không định hướng.

+ Đối tượng và mùa vụ xuất hiện bệnh: xuất hiện trên tất cả các loài cá nuôi ở giai đoạn cá giống. Tại Lâm Đồng, xuất hiện chủ yếu vào mùa khô, những tháng khi nhiệt độ môi trường xuống thấp 18-25°C.

+ Phòng và trị bệnh: để phòng bệnh, cá giống trước lúc thả cần được tắm trong nước muối nồng độ 2-3% trong vòng 10-30 phút. Để trị bệnh, phun sunphat đồng (CuSO₄) xuống ao với nồng độ 0,4-0,5 g/l m³ nước hoặc phun malachite green trực tiếp

vào ao với nồng độ 0,01-0,05 g/m³ nước ao, mỗi tuần một lần.

*** Bệnh do giáp xác ký sinh ở cá**

+ Triệu chứng bệnh lý: tác nhân gây bệnh là một số loài giáp xác như rận cá, trùng mỏ neo... Trùng bám sâu vào tổ chức cá thể cá hút dinh dưỡng làm cho cá kém ăn, gầy yếu, đầu to thân nhỏ, gây viêm loét cơ thể tạo điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn khác gây bệnh.

+ Đối tượng và mùa vụ xuất hiện: xuất hiện trên tất cả các loài cá nuôi đặc biệt là giai đoạn cá giống và cá nuôi lồng bè, bệnh xuất hiện quanh năm, nhiều nhất là vào mùa mưa. Tác hại của bệnh là làm giảm sức sinh trưởng của cá, ở giai đoạn cá con có thể gây chết cá, quan trọng hơn là khi cá bị trùng ký sinh gây viêm loét tạo điều kiện cho các vi khuẩn khác gây bệnh.

+ Phòng và trị bệnh: để phòng bệnh, định kỳ thả lá xoan vào ao với liều lượng 0,3-0,4 kg/m³ nước ao, mỗi tháng một lần. Để trị bệnh có thể phun Dipterex xuống ao với nồng độ 0,5-1 g/m³ nước ao hoặc thả lá xoan tươi vào ao với nồng độ 0,5 kg/m³, mỗi tuần thả một lần. ■

Chúc mừng năm mới



Hài

nhân tài

tuấn kiệt ở

khắp miền

man đốn sức

đựng giang sơn

cường thịnh

Nào

tri sĩ

anh hào trong

cả nước

hãy đồng tâm

xây tổ quốc

đẹp giàu

ĐỊA CHÍ LÂM ĐỒNG

MÓN QUÀ MỪNG XUÂN NHÂM NGỌ

NGÔ QUANG TÍCH

Phó trưởng Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chương trình "Địa chí Lâm Đồng" đã được tổ chức nghiên cứu biên soạn. Qua 5 năm với công sức, trí tuệ của cán bộ khoa học, quản lý của tỉnh, cùng với sự giúp đỡ, thẩm định của các nhà khoa học trung ương, cuốn sách Địa chí Lâm Đồng đã hoàn thành và đến tay bạn đọc.

Địa chí Lâm Đồng là công trình khoa học lớn đầu tiên của tỉnh, được xem là bộ sách tổng hợp mang tính "bách khoa toàn thư" của địa phương đã ghi chép lại một cách toàn diện về đặc điểm tự nhiên, dân cư, dân tộc, kinh tế, văn hóa, xã hội, truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của đồng bào các dân tộc Lâm Đồng trong suốt quá trình hình thành và phát triển.

Từ xa xưa, địa chí đã ra đời do nhu cầu bức thiết của con người, trước hết là của những người cai quản đất nước từ trung ương tới địa phương, muốn hiểu biết, nắm vững mọi mặt tự nhiên, xã hội trong phạm vi mình cai quản như: đất đai, khí hậu, tài nguyên, sản vật, phong tục tập quán, truyền thống dân tộc... để từ đó vạch ra chính sách, chế độ cai trị. Tác phẩm địa chí cổ nhất của Việt Nam là *Dư địa chí* do Nguyễn Trãi biên soạn năm 1435.

Từ thời xưa các nhà viết, biên soạn địa chí cũng đã bàn luận về khái niệm địa chí trên cơ sở tổng kết sự nhận thức, phân loại đặc điểm nội dung của loại sách này.

Theo sách Từ điển của Từ Nguyên định nghĩa: địa chí là sách ghi chép về địa dư bao gồm hình thể, núi sông, phong tục, sản vật của một vùng đất.

Theo sách Từ điển của Từ Hải định nghĩa: địa chí là sách ghi chép tỉ mỉ về địa hình, khí hậu, dân cư, chính trị, sản vật, giao thông, văn hóa... của một nước hoặc một khu vực.

Các nhà học giả Liên Xô trước đây cũng định nghĩa: địa chí là môn khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu một cách toàn diện về một địa phương của một đất nước.

Ngày nay, khái niệm địa chí được hiểu một cách rộng rãi, toàn diện hơn bao gồm những ghi chép trực tiếp liên quan đến một vùng đất nước về đất đai, địa hình, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đời

sống dân cư, dân tộc...

Đặc điểm cấu tạo nội dung của sách địa chí thời xưa đều được xây dựng trên cơ sở phản ánh ba yếu tố cơ bản: đất đai, khí hậu, con người. Ba yếu tố này được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau theo thuyết tam tài: thiên, địa, nhân và có thể xem thuyết tam tài là cơ sở triết học của các tác giả thời xưa. Ngày nay, theo quan điểm triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ta có thể phê phán mặt duy tâm, thần bí của thuyết tam tài, song ta cũng thừa nhận về quan niệm trong mối quan hệ giữa hoàn cảnh tự nhiên đối với toàn bộ đời sống con người và con người, sống gắn bó hài hòa với tự nhiên. Thiên thời, địa lợi, nhân hòa là 3 yếu tố của sự phát triển. Do vậy, viết địa chí cần phản ánh đầy đủ các yếu tố thiên, địa, nhân cùng mối quan hệ khăng khít giữa 3 yếu tố đó. Đây chính là đặc trưng của thể loại địa chí.

Như vậy, địa chí chính là một quyển "Bách khoa toàn thư" cung cấp những tri thức về một địa phương, đó là một thể loại độc đáo được biên soạn theo phương pháp tổng hợp đa ngành, cùng một lúc sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu của nhiều bộ môn khoa học: địa lý học, sử học, chính trị học, kinh tế học, xã hội học, dân tộc học, văn hóa học.... Sau khi nghiên cứu, biên soạn được trình bày lại theo một phương pháp thống nhất là ghi chép, miêu thuật khoa học. Vì vậy, địa chí là loại sách có giá trị thực tiễn, mang tính khách quan, khoa học cao. Địa chí Lâm Đồng được nghiên cứu, biên soạn cũng với tinh thần và tư tưởng chủ đạo như đã nêu trên.

Địa chí Lâm Đồng chứa đựng khối lượng tri thức khoa học quý giá, những thông tin cần thiết và hữu ích cho mọi người từ người dân đến các nhà quản lý lãnh đạo của tỉnh; từ các nhà nghiên cứu cho đến học sinh, sinh viên; từ du khách trong nước đến nước ngoài muốn tìm hiểu thêm về Lâm Đồng. Đồng thời góp phần tích cực trong việc giáo dục truyền thống tốt đẹp, lòng yêu quê hương đất nước đối với thế hệ trẻ.

Địa chí Lâm Đồng là món quà mừng Xuân Nhâm Ngọ có ý nghĩa và là món quà đặc biệt của tỉnh Lâm Đồng chào đón thiên niên kỷ mới. ■

VÀI NÉT VĂN HÓA ẨM THỰC CỦA NGƯỜI MẠ Ở LÂM ĐỒNG

(Tiếp theo trang 20)

Chúng ta không thể không nhắc đến bài *Nhut'nom* (Uống rượu cần). Bài hát này khá phổ biến ở vùng Mạ, đến vùng Mạ - M'ông, như được thay bằng *ngét*, và còn lưu hành trong cả vùng K'Ho anh em, có thể thay *nhu* bằng từ *nhô, yu...*, lời bài hát, nhịp điệu và điệp khúc mời gọi vẫn thiết tha và chân tình như nhau.

5. Ẩm thực ngày nay, những nét đổi thay

Ngay sau ngày đất nước thống nhất, người Mạ và nhiều dân tộc Tây Nguyên khác đã hội nhập vào quốc gia Việt Nam thống nhất đa dân tộc. Những chủ trương, chính sách lớn của nhà nước Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội đã làm thay đổi đáng kể bộ mặt các thôn bon vùng Mạ. Sự thay đổi ấy có thể thấy trong các khâu (điện, đường, trường, trạm), trong các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, làm kinh tế vườn rừng, vườn chè và cà phê... Sự thay đổi có thể thấy ở lượng học sinh, sinh viên, lượng trí thức Mạ đang học tập và công tác.

Trong những thay đổi chung, có sự thay đổi trong lĩnh vực ăn uống. Bên cạnh những thức ăn sẵn bắt được từ suối, từ rừng, những rau rừng và rau trồng trên rẫy, bữa ăn đã thay đổi trong đời thường. Nhiều nơi, đã xuất hiện chợ hoặc quán tạp hóa ngay trong thôn. Từ đó, người ta có thể mua muối, cá khô, mì tôm... làm thức ăn. Cư dân cũng có thể mua rượu trắng, bia, nước ngọt... là các thức uống tại quán đó. Cũng vậy, bên cạnh thuốc rê hút bằng tẩu mà cư dân tự trồng, tự chế, người Mạ cũng có thể mua thuốc lá diếu tại quán, mua lẻ hoặc cả gói, chủ yếu là thuốc rê tiền, có cả thuốc đầu lọc (thuốc dó) loại thường. Hầu như mọi đàn ông, và cả đàn bà trung niên, thậm chí cả trẻ em nam đều hút thuốc và phải có tiền thì mới mua được thức ăn, thức uống, thức hút. Các quán cũng tiếp thị, giữ khách bằng cách bán chịu, ghi sổ, nhưng đến mùa chè, cà phê thì phải trả.

Không chỉ thay đổi trong món ăn, cách ăn có thay đổi cơ bản. Ngoài

lúc đi rừng, trừ người già cả, những người trẻ, các gia đình hầu như đều cố chén bát, dùng đũa ăn cơm thay cho việc ăn bốc truyền thống. Cùng với nước suối, giếng, nhiều gia đình đã dùng nước đun sôi, nước chè, nước tra gói và có thêm xu hướng dùng rượu trắng và thức uống mới thay cho rượu cần.

Riêng cưới hỏi là lĩnh vực được các nhà nghiên cứu xếp vào văn hóa tinh thần (tục cưới, tục tang...) ở đây chỉ nhắc đến một số điểm liên quan đến ẩm thực: ẩm thực trong đám cưới, vì các vấn đề chia tách trong nghiên cứu chỉ là tương đối. Qua chứng kiến một số đám cưới Mạ có thể thấy nhiều nét khác nhau. Có đám cưới thời gian diễn ra bảy ngày, hai nhà ăn hết 8 con heo, uống hai trăm chai bia trong tiệc chính đãi khách, hai trăm lít rượu trắng và chỉ thấy... một chốc rượu cần!

Với ba đám cưới được chứng kiến khác ở đây, thì bên cạnh nét truyền thống (nhiều heo, gà, rượu...) có nhiều nét mới, có cái rất khác lạ. Đó là thuê mượn bàn ghế, thuê đầu bếp người Kinh nấu thức ăn; thuê nhạc cụ để chơi nhạc sống, hát bài hát mới chứ không hát bài hát truyền thống dân tộc; uống nhiều bia, rượu trắng chứ không phải là rượu cần truyền thống... Kinh tế - xã hội đã thay đổi trong sự giao lưu thì văn hóa cũng thay đổi. Cái hiện đại thay dần cho truyền thống, khả năng văn minh, hiện đại hóa càng cao thì nguy cơ mai một văn hóa càng thấy rõ. Nghịch lý này không phải chỉ xảy ra với người Mạ, mà cả người Kinh và nhiều dân tộc ở Đông Á, Đông Nam Á... khi tiếp nhận văn minh phương Tây. Chi tiết cái bàn và cái thùng đựng quà (tiền) chúc mừng kê ngay trước cửa là quá mới, báo hiệu một nguy cơ mất dần bản sắc văn hóa tộc người, do chính những người trong cuộc tiếp nhận một cách máy móc và không khỏi lai căng.

Như vậy, người Mạ đang giữ lại một số nét ẩm thực truyền thống: vẫn còn lưu lại nhiều chốc (ráp, yang);

vẫn còn biết chế men rượu và làm rượu cần; vẫn còn phong tục uống rượu cần, tiếp khách bằng rượu cần... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đã có nhiều thay đổi về văn hóa ẩm thực của cư dân Mạ. Chúng loại thức ăn có thay đổi, nhất là thức ăn khô bán lại các quán trong thôn bon. Kỹ thuật chế biến món ăn, nhất là trong đám cưới đã thay đổi. Xu hướng ăn đũa, chén bát đang thay thế cách ăn bằng tay, bằng sọp.

Những thôn bon gần thị tứ đã mất dần thói quen làm men rừng, ủ rượu cần, đồ uống thay dần bằng các thứ rượu chưng cất, bia, nước ngọt... Chiêng, chèo mất dần vai trò ở những vùng văn minh này, và nguy cơ biến mất một loại dụng cụ văn hóa vật chất, một chế phẩm men, một chủng loại thức uống truyền thống là có thật. Những thôn bon vùng sâu, lượng chốc đang còn lớn, các gia đình đang làm, đang sử dụng rượu cần truyền thống. Cũng có khi làm rượu cần bằng men chợ như người Kinh. Đáng phục nhất là ở Lộc Bắc (xã anh hùng), có già làng vẫn làm rượu cần đãi khách, nhưng bản thân ông không uống vì rượu được làm bằng men chợ, không còn là rượu cần đích thực.

Sự thay đổi đang diễn ra hàng ngày trong các bon làng Mạ và không chỉ trong vùng Mạ mà khắp cả Tây Nguyên. Đánh giá sự thay đổi trong lĩnh vực văn hóa ẩm thực hay trong các lĩnh vực khác là điều phức tạp và tế nhị, nhưng thấy có cả ưu điểm và nhược điểm. Sự thay đổi theo hướng tiến bộ, văn minh, hiện đại hóa trong hiện đại hóa đất nước là quy luật tất yếu, mang lại diện mạo mới cho cộng đồng Mạ nói riêng, các dân tộc Việt Nam nói chung. Mặt trái của hiện đại hóa là sự ra đi của văn hóa truyền thống. Về chủng loại, kỹ thuật nấu nướng và cách ăn uống thì sự thay đổi cơ bản là tiến bộ. Nhưng nếu kiến trúc nhà dài, lượng chiêng chèo, các bài dân ca, chốc rượu cần, tấm thổ cẩm Mạ... cũng ra đi thì bản sắc văn hóa tộc người còn lại là gì? Đó là câu hỏi khó khăn cho cả nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và chính cư dân của cộng đồng Mạ. ■

HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NĂM 2001

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Trong khung cảnh chung các hoạt động của mọi ngành mọi cấp đang tập trung vào đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước phát triển trong xu thế hội nhập, hoạt động quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL) đang có những cải tiến mới phù hợp với xu thế cải cách hành chính hiện nay và phù hợp với thông lệ quốc tế. Năm 2001 là năm triển khai áp dụng một số văn bản pháp quy mới về hoạt động TCĐLCL. Mặc dù hệ thống các văn bản hướng dẫn còn đang được hoàn chỉnh, song công tác quản lý vẫn được tích cực triển khai kịp thời. Hoạt động TCĐLCL của tỉnh trong năm qua đã có những nỗ lực mới, nhằm góp phần tích cực hơn vào việc thúc đẩy phát triển sản xuất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (NTD).

1. Quản lý chất lượng tập trung thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng kỹ thuật tiêu chuẩn hoá và hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá

Thực hiện đổi mới phương thức quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá, nhằm đưa hoạt động TCĐLCL phù hợp với xu thế hội nhập và thông lệ thương mại quốc tế; tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các quy định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng và công bố phù hợp tiêu chuẩn đã được ban hành thay thế các quy định về đăng ký chất lượng trước đây. Chi cục TCĐLCL đã kịp thời tổ chức triển khai cho các doanh nghiệp, đến nay tiếp nhận 186 bản công bố tiêu chuẩn chất lượng của 126 doanh nghiệp. Hoạt động phối

hợp thanh, kiểm tra của Chi cục đã có nề nếp, năm 2001 được củng cố thêm một bước qua kế hoạch chi tiết hơn; phối hợp Thanh tra Sở KHCNMT kiểm tra chất lượng 18 cơ sở kinh doanh phân bón, 30 cơ sở về việc công bố tiêu chuẩn; cùng Quản lý thị trường kiểm tra 39 cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, bia hơi, ga đốt; phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

Việc thực hiện quản lý chất lượng hàng hoá ở các lĩnh vực được phân công cho các ngành, theo Nghị định 86/CP, trong năm 2001 nhìn chung đã triển khai tương đối toàn diện. Trong lĩnh vực nông nghiệp đã triển khai kịp thời các quy định về quản lý giống cây con, phân bón và các hoạt động kiểm dịch; đã kiểm tra 637 quần hàng bảo vệ thực vật, phát hiện xử lý 218 trường hợp vi phạm; kiểm tra 70 quầy kinh doanh thuốc thú y, phát hiện xử lý 18 cửa hàng vi phạm... Về quản lý thực phẩm thực hiện đăng ký chất lượng 146 hồ sơ, tiếp nhận 120 hồ sơ tự công bố tiêu chuẩn, kiểm tra 5814 cơ sở về an toàn vệ sinh (số đạt chiếm 73,7%), kiểm tra chất lượng 762 mẫu được phẩm (số đạt là 88,9%)... công tác quản lý chất lượng hàng hoá lưu thông được tăng cường, thành lập được ban chống hàng giả và chống buôn lậu của tỉnh, kiểm tra 2107 vụ, phát hiện xử lý 825 vụ vi phạm (có 4 vụ hàng giả)... Tuy nhiên, việc cải tiến quản lý chất lượng trong từng lĩnh vực có khác nhau và nói chung còn chậm. Sự phối hợp và thông tin, báo cáo còn ít, làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung của công tác quản lý chất lượng hàng hoá. Hiệu quả tác động của các phương thức quản lý mới với hoạt động của các doanh nghiệp còn hạn chế. Tính

ra số lượng doanh nghiệp thực hiện công bố còn thấp (khoảng 50% so với yêu cầu), lý do chính là còn chưa có sự thống nhất trong hướng dẫn, quy định của các bộ, ngành, trung ương.

Trong năm, Chi cục tiếp tục thúc đẩy các hoạt động hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận phương thức quản lý chất lượng tiên tiến, nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá. Chi cục tập trung vào các hoạt động đào tạo, tập huấn: trực tiếp tổ chức 8 lớp đào tạo về các hệ thống chất lượng Q-Base, ISO 9000:2000, và phối hợp với Trung tâm tiêu chuẩn chất lượng mở 2 lớp về tiêu chuẩn hoá và phối với Trung tâm đào tạo mở 02 lớp về đánh giá chất lượng nội bộ và kỹ thuật thống kê. Ngoài ra, Chi cục còn trực tiếp hỗ trợ Công ty gạch Hiệp Thành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng Q-Base và Công ty cổ phần Dược vật tư y tế trong xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000. Tuy nhiên, việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ở địa phương còn được rất ít, do nhiều doanh nghiệp trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, song cũng không ít doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến công tác này (cả các doanh nghiệp lớn và có nhiều điều kiện).

2. Tăng cường quản lý đo lường, mở rộng phạm vi kiểm định phương tiện đo, đảm bảo quyền lợi NTD

Hoạt động đo lường pháp quyền mở rộng về lĩnh vực và quy mô kiểm định, tập trung vào đo lường trong thương mại và phục vụ nông thôn vùng xa. Các hoạt động tập huấn nghiệp vụ đo lường và phối hợp với các ban quản lý

các chợ duy trì hoạt động cân đối chứng tại 10 chợ trung tâm trong tỉnh, góp phần tích cực bảo vệ quyền lợi NTD. Theo báo cáo của các ban quản lý chợ và phản ánh của khách hàng thì tình hình cân thiếu đã giảm đi nhiều. Chi cục đang từng bước nâng cấp các trạm cân đối chứng dùng cân điện tử chính xác cao, hiện đã hoàn thành tại chợ Đà Lạt.

Với điều kiện kỹ thuật được tăng cường, hoạt động kiểm định nhất là kiểm định công tơ điện ở nông thôn được đẩy mạnh, nhằm đảm bảo quyền lợi NTD ở vùng khó khăn. Số phương tiện đo (PTĐ) kiểm định là: 11.281 PTĐ đạt (tăng 27% so với năm 2000, riêng công tơ điện phụ là 6.225). Nhờ kiểm định phát hiện 1.154 PTĐ (10,15%) không đạt yêu cầu, mà chủ yếu là công tơ điện.

Hoạt động thanh, kiểm tra đo lường được tăng cường, Chi cục đã cùng Thanh tra Sở kiểm tra 02 đơn vị được ủy quyền; thanh tra 11 đơn vị và kiểm tra 18 PTĐ; phối hợp với Quản lý thị trường kiểm tra hàng đóng gói sẵn 52 cơ sở sản xuất kinh doanh: trà, cà phê, atisô, bột ngọt, đường, xi măng (có 09 trường hợp vi phạm, xử phạt 4.200.000đ).

3. Phát huy điều kiện kỹ thuật, cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng phép thử, tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác quản lý chất lượng

Phòng thử nghiệm được tăng cường cả về thiết bị và công tác quản lý nhằm từng bước đạt các tiêu chuẩn ngành và quốc gia. Hoạt động trắc nghiệm kỹ với VINATEST và trắc nghiệm nội bộ được thực hiện thường xuyên cho các chỉ tiêu và mẫu thường gặp của phòng như gạch, bê tông, xi măng, trà... Nhìn chung các kết quả đều nằm trong vùng tin cậy và kỹ năng của cán bộ kỹ thuật được nâng lên chuẩn xác hơn.

Hoạt động hiệu chuẩn phương

tiện đo công nghiệp từng bước được tổ chức nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và đảm bảo điều kiện đo lường cho các phòng thử nghiệm. Các hoạt động duy trì và đảm bảo độ chính xác của các chuẩn đo lường ở địa phương được quan tâm.

Trong năm, Chi cục sử dụng có hiệu quả các thiết bị hiện có, kiểm được 593 mẫu, trong đó: 449 mẫu vật liệu xây dựng, 144 mẫu hóa lý, và một số hoạt động kiểm nghiệm tại hiện trường khác. Số lượng mẫu thực hiện đạt 108% so với kế hoạch năm. Nhìn chung việc tăng cường quản lý kỹ thuật phòng kiểm nghiệm hiệu chuẩn và sự cố gắng trong thực hiện kiểm mẫu đã góp phần hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp kiểm soát tình trạng chất lượng.

4. Tăng cường hoạt động xã hội, bảo vệ quyền lợi NTD, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất phát triển

Chi cục đã tích cực hỗ trợ hoạt động của Hội Người tiêu dùng, đặc biệt là đại hội nhiệm kỳ II. Các hoạt động thông tin tuyên truyền được quan tâm, Chi cục làm đối tác chính trong xây dựng chuyên mục "Từ sản xuất đến tiêu dùng" trên báo và "Người tiêu dùng cần biết" trên sóng truyền hình Lâm Đồng. Thông tin về tình hình chất lượng hàng hóa, tình trạng sử dụng phương tiện đo trong sản xuất kinh doanh, các quy định chính sách về TCĐLCL, cũng như hướng dẫn NTD về quyền và nghĩa vụ của họ trong tiêu dùng, đã từng bước hướng dẫn dư luận, tạo môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển sản xuất.

Chi cục đã cộng tác tích cực trong giải quyết các khuyến nại và tư vấn cho NTD thông qua việc hỗ trợ cho hoạt động Văn phòng khiếu nại của NTD, cũng như ghi nhận các thông tin từ đó tăng cường công tác quản lý.

Nhìn chung hoạt động

TCĐLCL năm 2001 đã có các cải tiến bước đầu theo hướng thoáng hơn, tác động thúc đẩy phát triển sản xuất trực tiếp hơn, cùng với đó là nâng cao hiệu lực và hiệu quả bảo vệ NTD. Trong năm 2002 hoạt động TCĐLCL cần tập trung vào các việc chính sau:

Phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện các Pháp lệnh đo lường, chất lượng hàng hoá (sửa đổi) và Pháp lệnh Bảo vệ Quyền lợi NTD trong các doanh nghiệp nói riêng và trong xã hội nói chung. Đưa hoạt động TCĐLCL hướng vào các doanh nghiệp mục tiêu nhằm hỗ trợ cho việc phát triển sản xuất ở địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản xuất trong tỉnh.

Công tác tiêu chuẩn hoá và quản lý chất lượng tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho cơ sở, phổ biến TCVN cho một số lĩnh vực sản xuất quan trọng (trà, rau, vật liệu xây dựng), hỗ trợ áp dụng phương pháp quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng phương án nâng cao chất lượng sản phẩm trà (xuất khẩu).

Công tác đo lường, tăng cường kiểm định lưu động phục vụ vùng xa, kiểm tra đo lường trong thương mại bán lẻ, hàng bao gói sẵn, củng cố nâng cấp hoạt động cân đối chứng. Nâng cao hiệu quả thực hiện theo kế hoạch kiểm định. Triển khai hoạt động hiệu chuẩn ở với lĩnh vực: khối lượng, áp suất...

Tăng cường nội lực: tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý cho cán bộ; nâng cao năng lực thử nghiệm về vật liệu xây dựng và môi trường; từng bước xây dựng phòng kiểm nghiệm hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn ISO 17025; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của Chi cục. ■



HỌAT ĐỘNG CỦA THANH TRA SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2001

TRẦN MINH CHÂU

Thanh tra Sở khoa học, công nghệ và môi trường Lâm Đồng

Với nhiệm vụ là thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành đối với những vấn đề như: nhiệm vụ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, sở hữu công nghiệp, đo lường và chất lượng hàng hóa... thực hiện công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, trong năm 2001, Thanh tra sở KH.CN&MT Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng để thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Kết quả cụ thể trong năm đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 188 lượt cơ sở, trong đó:

- Lĩnh vực môi trường: thanh tra 47 lượt cơ sở.
- Lĩnh vực đo lường: thanh tra 54 lượt cơ sở, kiểm tra 30 lượt cơ sở.
- Lĩnh vực chất lượng hàng hóa: thanh tra 55 lượt cơ sở.
- Lĩnh vực khoa học - công nghệ: kiểm tra 60 lượt.
- Lĩnh vực sở hữu công nghiệp: thanh tra 02 lượt.

Kết quả thanh tra đã ghi nhận chỉ có 33/188 cơ sở vi phạm nhưng ở mức độ thấp, không có quy định xử phạt, Thanh tra sở đã ra thông báo nhắc nhở để các cơ sở sản xuất kinh doanh chấn chỉnh, tránh được những sai phạm không đáng có. Việc xử lý kết quả thanh tra được thực hiện thấu đáo, chính xác đã góp phần giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các quy định của Nhà nước.

Tổng số đơn thư khiếu nại tố cáo đã giải quyết trong năm là 18 đơn thư/18 đơn thư đã tiếp nhận. Nhìn chung, các đơn vị quản lý trong ngành cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ qua kiểm tra, thanh tra cho thấy đều có sự cố gắng trong công tác quản lý, thực hiện các quy định của Nhà nước.

Thực hiện Nghị định 61/CP hoạt động thanh tra đã tiến hành nhiều nội dung thanh, kiểm tra thuộc thẩm quyền quản lý của sở. Thanh tra Sở đã tổ chức kiểm tra tiến độ các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học: đã có đánh giá, nhận xét, đưa ra các kiến nghị chấn chỉnh một số thiếu sót cho cơ quan quản lý và cơ quan thực hiện đề tài; kết hợp với Phòng kiểm

nghiệm Chi cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hoàn thiện phương pháp kiểm tra chất lượng xăng với 2 chỉ tiêu là tỷ trọng và thành phần chưng cất, đã áp dụng có kết quả vào thực tế.

Trong công tác thanh, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã tổ chức tốt, chủ động chuẩn bị kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ với UBND, phòng chức năng ở các huyện nên các cuộc thanh tra đã đạt được kết quả theo kế hoạch đã đề ra, được sự đồng tình hoan nghênh, hợp tác của các cơ sở được thanh tra.

Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi được phân cấp, Thanh tra Sở đã giải quyết nhanh gọn, không tồn đọng các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tổ chức và thực hiện tốt công tác tiếp dân. So với năm 2000 thì số lượng đơn thư khiếu nại tố cáo của năm 2001 tăng 0,9% (năm 2000: 16 đơn thư).

Thực tế cho thấy, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã góp phần giúp cho nhân dân cùng các cơ sở sản xuất hiểu rõ hơn về Luật Bảo vệ môi trường, về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa,... ý thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường.

Được sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của lãnh đạo Sở, sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban, đơn vị trong sở, các ngành liên quan, UBND các huyện, thị nên công tác thanh tra của sở có chiều hướng thuận lợi. Cũng qua những đợt thanh tra, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý của Sở ngày càng quy củ, chặt chẽ hơn và thấy được ý nghĩa tầm quan trọng do công tác thanh tra, kiểm tra mang lại.



MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2001-2005

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế khu vực, tỉnh Lâm Đồng đã đề ra những chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm nhằm phục vụ cho sự phát triển chung của địa phương.

Thông tin khoa học, công nghệ Lâm Đồng xin giới thiệu những mục tiêu của các chương trình khoa học, công nghệ trọng điểm của tỉnh trong trong giai đoạn 2001-2005.

1. Chương trình khoa học quản lý

- Đề ra được các giải pháp giúp cho công tác cải cách hành chính, cải tiến cơ chế quản lý Nhà nước.

- Đề xuất các chính sách, chiến lược trong công tác quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội của địa phương nhằm thu hút các nguồn lực để phát triển các ngành kinh tế động lực của địa phương.

- Xây dựng và hoàn thiện các mô hình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo nhất là ở vùng đồng bào dân tộc ít người.

2. Chương trình phát triển du lịch

- Xây dựng ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế khu vực toàn cầu.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ và sản phẩm du lịch hiện có,

phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch phù hợp; khai thác các tiềm năng, đặc thù của tỉnh phục vụ du lịch gắn với việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường. Phát triển du lịch theo hướng phát huy bản sắc văn hóa dân gian và lễ hội truyền thống của địa phương; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong kinh doanh du lịch.

3. Chương trình phát triển công nghiệp

- Triển khai các giải pháp thích hợp nhằm phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, khoáng sản thế mạnh của tỉnh gắn với việc phát triển vùng nguyên liệu; chú trọng công nghệ chế biến các sản phẩm của cây công nghiệp dài ngày như cà phê, chè, dâu tằm, điều... góp phần công nghiệp hóa nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Ứng dụng công nghệ thu hoạch nhằm làm tăng giá trị chế biến và bảo quản rau, hoa, quả và các loại nông sản thực phẩm, gắn công nghiệp chế biến với dịch vụ - du lịch và xuất khẩu tại chỗ.

- Nâng cao chất lượng hàng hóa để đáp ứng được yêu cầu của thị trường, trong đó chú trọng vào những sản phẩm thế mạnh của địa phương để có được những sản phẩm có thương hiệu nổi bật, đặc thù của tỉnh Lâm Đồng được người tiêu dùng trong nước và thế giới biết đến.

- Đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp chủ yếu của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật để góp phần nâng cao chất lượng và

giá trị các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu như chè, cà phê, tơ kén, các loại nông sản, thực phẩm; đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế.

- Nghiên cứu được các giải pháp cụ thể để khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, các cơ sở chế biến nhỏ ở nông thôn gắn với việc giải quyết việc làm.

4. Chương trình phát triển cây công nghiệp

- Từng bước đưa tiến bộ kỹ thuật vào các vùng trồng cây công nghiệp trọng điểm của tỉnh bằng các biện pháp về giống, kỹ thuật canh tác để có được năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt nhằm tạo được nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến hoặc sản phẩm ổn định cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển được các giống mới (chè, cà phê, dâu tằm, điều...) có năng suất cao, chất lượng tốt thay thế các giống thoái hóa; góp phần đến năm 2005 đưa bình quân năng suất lá dâu lên 9-10 tấn/ha, chè búp tươi đạt 8 tấn/ha, cà phê 2-2,5 tấn/ha, điều đạt 1 tấn/ha.

5. Chương trình phát triển rau, hoa, cây ăn trái và dược liệu

- Xác định chủng loại, cơ cấu chủng loại, cơ cấu giống và quy trình công nghệ sản xuất một số loại rau hoa cao cấp, các loại cây ăn quả, cây dược liệu phù hợp cho các vùng sinh thái của tỉnh; hình thành được vùng sản xuất rau có chất lượng cao của cả nước.

- Ứng dụng các thành tựu về công nghệ sinh học, kỹ thuật mới trong sản xuất và chế biến để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm rau, hoa, cây ăn quả, dược liệu phục vụ du lịch tại chỗ, nội tiêu và xuất khẩu.

6. Chương trình phát triển lâm nghiệp

- Xác định cơ cấu giống cây lâm nghiệp tối ưu cho từng vùng sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh rừng trồng nhằm cung ứng đủ nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến từ lâm sản.

- Áp dụng các giải pháp khoa học trong việc khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng; phát triển được vốn rừng hiện có, tăng độ che phủ, tạo các vành đai rừng chắn gió, bảo vệ sinh thái, giữ và điều hòa nước trong khu vực.

- Bảo tồn và phát triển nguồn gen động vật, thực vật đặc hữu và quý hiếm, bảo tồn về đa dạng sinh học của rừng; đầu tư, bảo vệ rừng cảnh quan, rừng đặc dụng và khu bảo tồn thiên nhiên phục vụ du lịch.

- Xây dựng được các mô hình sản xuất theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp, phối hợp giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, giữa lâm nghiệp và du lịch.

7. Chương trình phát triển chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với phát triển công nghiệp chế biến nhằm nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 15% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (vào năm 2005).

- Phát triển đàn bò sữa và bò thịt cao sản gắn với công nghiệp chế biến sữa, thịt, da.

- Nghiên cứu các biện pháp tổng hợp nhằm tạo được các khu vực an toàn về dịch bệnh trong chăn nuôi nhằm ngăn chặn được

các nạn đại dịch gia súc, gia cầm.

8. Chương trình điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường

- Điều tra, khảo sát và xây dựng các phương án khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên hiện có để phát triển kinh tế - xã hội gắn với cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường; hệ thống tài liệu, bản đồ về đánh giá, quy hoạch nguồn nước ngầm, nước mặt, đất đai phục vụ công tác quản lý và khai thác sử dụng, bảo vệ môi trường của các ngành, địa phương.

9. Chương trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ nông thôn và vùng đồng bào dân tộc ít người

- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thích ứng để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao dân trí, xóa bỏ tập quán canh tác lạc hậu nhằm từng bước ổn định và nâng cao đời sống nông thôn và vùng đồng bào các dân tộc ít người trong tỉnh.

10. Chương trình phát triển công nghệ thông tin

- Đưa công nghệ thông tin vào ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực; triển khai hệ thống tin học và quản lý nhà nước ("chính phủ điện tử"), hình thành trang thương

mai điện tử, thư viện điện tử và thông tin du lịch và một số dịch vụ điện tử khác trên mạng Intranet và Internet cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh.

- Giúp người dân trong tỉnh có thể khai thác, sử dụng thông tin điện tử.

- Công nghiệp phần mềm từng bước trở thành một ngành kinh tế của tỉnh.

11. Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

- Nâng cao dân trí, xây dựng và phát huy nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó có mục tiêu phát triển du lịch, đẩy mạnh CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn ở địa phương.

- Nâng cao đời sống văn hóa nhất là ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng căn cứ khoa học giúp cho việc thực hiện các chính sách xã hội, chính sách về tôn giáo, dân tộc, thực thi chính sách đại đoàn kết dân tộc và dân chủ hóa đời sống xã hội.



THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM ĐÀO TẠO KHOA HỌC HẠT NHÂN VIỆT NAM - ẤN ĐỘ

Nằm trong khuôn khổ của Chương trình hợp tác về khoa học hạt nhân giữa Việt Nam và Ấn Độ, Trung tâm đào tạo khoa học hạt nhân Việt Nam - Ấn Độ đã được khánh thành và đưa vào hoạt động vào ngày 10.01.2002 tại Đà Lạt. Đây là chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình. Trung tâm được thành lập nhân dịp kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ (07.01.1975-07.01.2002).

Đến dự lễ khánh thành trung tâm có Thứ trưởng Bộ khoa học, công nghệ và môi trường Việt Nam - GS.TS. Hoàng Văn Huây, Giám đốc Trung tâm nguyên tử (BARC) - TS.B. Bhatta Charjee, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Ấn Độ tại Việt Nam, ông Nguyễn Đình - Phó chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

THỎA THUẬN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai có vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của địa phương trong lưu vực. Việc khai thác sử dụng nguồn nước của bất kỳ vùng lãnh thổ nào trong lưu vực cũng đều có ảnh hưởng về mặt môi trường đến các vùng lãnh thổ còn lại.

Trước tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường ở nhiều nơi thuộc lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai đã lên đến mức báo động trong khi tác động môi trường của quá trình phát triển kinh tế - xã hội sẽ còn tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, ngày 28.12.2001, tại thành phố Hồ Chí Minh, với sự chứng kiến của Bộ KH&CN&MT, 11 tỉnh thành phố thuộc lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai: TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa -

Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Long An, Ninh Thuận, Tây Ninh đã cam kết thực hiện những nội dung nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững trên toàn khu vực.

Nội dung cam kết:

1. Tổ chức thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp quy hiện hành.

2. Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chủ động phòng ngừa ô nhiễm môi trường, áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng môi trường, tích cực bảo vệ rừng đầu nguồn, khôi phục và trồng mới rừng.

3. Thường xuyên thông tin với nhau về các hoạt động ở địa phương mình có khả năng ảnh hưởng đến môi trường các địa phương khác trong lưu vực.

4. Khẩn trương huy động nguồn lực của địa phương tham gia xử lý và khắc phục hậu quả khi sự cố môi trường xảy ra.

5. Cùng nhau nghiên cứu và kiến nghị các phương án và đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai đáp ứng được các yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

6. Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị hàng năm về bảo vệ môi trường của Chủ tịch UBND các tỉnh/thành phố trong lưu vực.

Để thực hiện tốt các cam kết trên, 11 tỉnh/thành phố đã nhất trí kiến nghị:

- Chính phủ, các bộ/ngành trung ương khẩn trương xem xét, phê duyệt các phương án và đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai.

- Các nước, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp nước ngoài có những hành động thiết thực hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường lưu vực

sông Sài Gòn - Đồng Nai, góp phần bảo vệ môi trường toàn cầu.

LÂM ĐỒNG THAM DỰ HỘI CHỢ TRIỂN LÃM "TUẦN LỄ XANH QUỐC TẾ - VIỆT NAM"

Hội chợ triển lãm "Tuần lễ xanh quốc tế - Việt Nam" lần thứ hai do Bộ KH, CN & MT, Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam phối hợp tổ chức với chủ đề "Xanh hơn nữa cho Trái đất chúng ta" tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 15 đến 20 tháng 12/2001 đã thành công tốt đẹp. Tham gia hội chợ này có 500 đơn vị trong và ngoài nước.

Lâm Đồng đã tham gia Hội chợ với triển lãm với nội dung "Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng công sản Việt Nam lần thứ IX ngay từ những năm đầu của thế kỷ 21 nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Gian hàng của Lâm Đồng có 10 đơn vị tham gia: Thành phố Đà Lạt, Công ty Đà Lạt - HASFARM, Công ty thực phẩm Lâm Đồng, Công ty vác xin và sinh phẩm Đà Lạt, Công ty TNHH Lâm Thăng, Công ty TNHH Rồng Vàng, Công ty TNHH Khôi Nguyên, Hợp tác xã Phước Thành, Hợp tác xã Lạc Thành, Cơ sở trà Ngọc Duy. Gian hàng của Lâm Đồng phong phú, đa dạng về sản phẩm và màu sắc, được đánh giá là đặc sắc với các sản phẩm và cách trình bày thật "xanh".

Tham gia Lễ khai mạc Hội chợ, với tiết mục văn nghệ hoành tráng, mang đậm màu sắc cao nguyên của Lâm Đồng đã gây được ấn tượng tốt đẹp cho người tham dự.

Trong dịp này, đồng chí Nguyễn Đình - Phó chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã thay mặt tỉnh nhận Giải thưởng quốc gia "Cúp vàng vì sự nghiệp xanh".

Vài hình ảnh về hội chợ triển lãm

TUẦN LỄ XANH QUỐC TẾ - VIỆT NAM

(tại Hội trường Thành phố Hồ Chí Minh từ 15 đến 20-12-2001)



H1- Lễ trao giải thưởng quốc gia "Cúp vàng vì sự nghiệp xanh".



H2- Đoàn Lâm Đồng tham gia Hội chợ tuần lễ xanh Quốc tế - Việt Nam



H3- Thành phố Đà Lạt tham gia Hội chợ



H4- Gian hàng Công ty Lâm Thăng



H5- Gian hàng Công ty Thực phẩm Lâm Đồng và Công ty Vắcxin - sinh phẩm Đà Lạt



H6- Gian hàng Công ty Đà Lạt Hasfarm

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

